

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN NĂM 2040, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2060



Tầm nhìn phát triển Thành phố:

Vision

THÀNH PHỐ TOÀN CẦU –

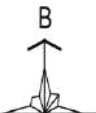
Văn minh, Hiện đại, Nghĩa tình,
Năng động, Sáng tạo

GLOBAL CITY –

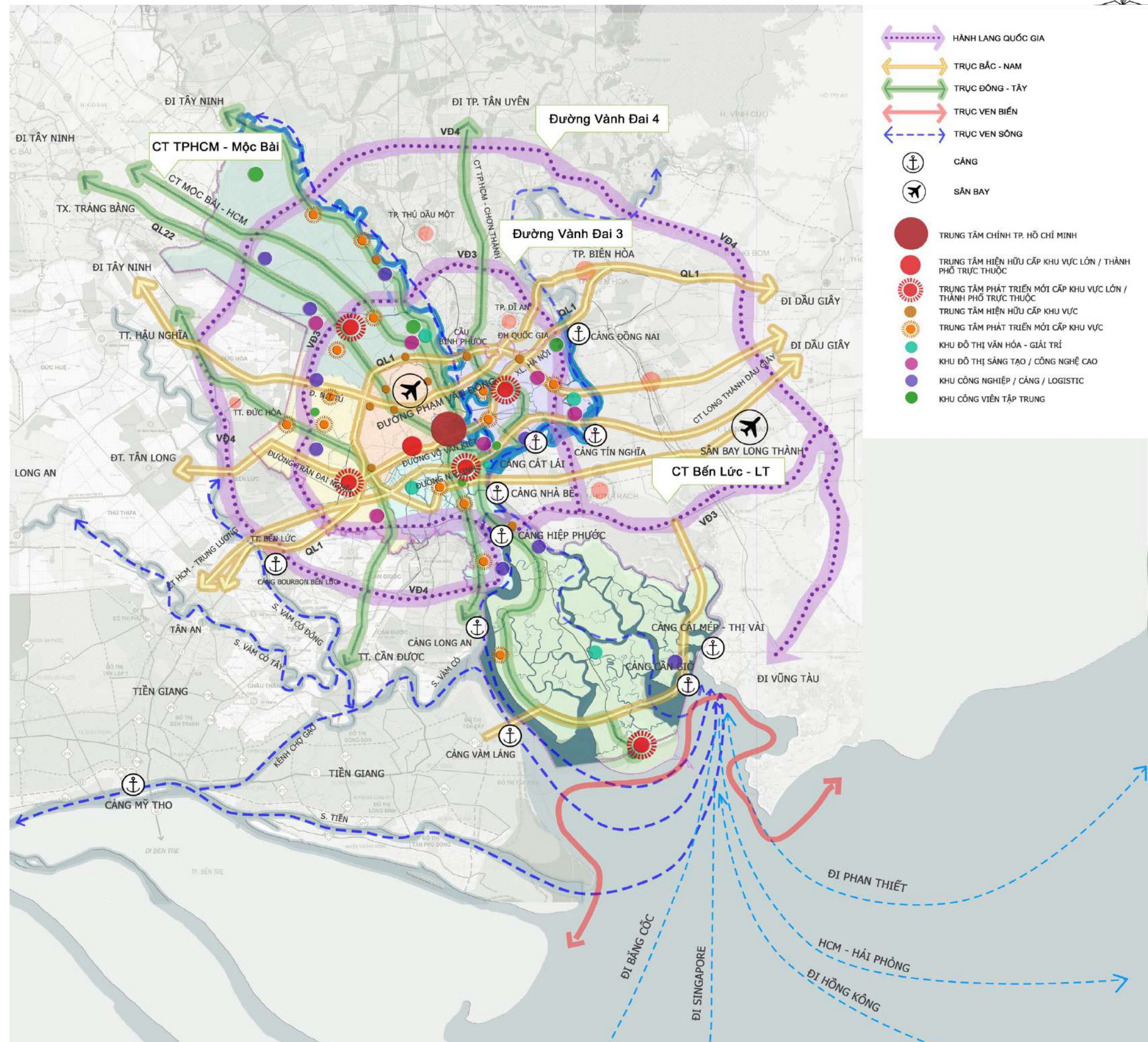
Civilized, Modernistic, Empathetic, Proactive,
Creative

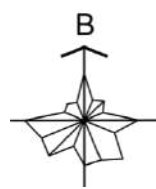
Thành phố Hồ Chí Minh - Thành phố toàn cầu, văn minh, hiện đại, nghĩa tình - có trình độ phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới; là trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á, có vai trò là cực tăng trưởng, động lực thúc đẩy phát triển vùng phía Nam và cả nước; là khu vực có mức sống và chất lượng cuộc sống cao; kinh tế, văn hoá phát triển đặc sắc, thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế.

MÔ HÌNH ĐÔ THỊ ĐA TRUNG TÂM - KẾT NỐI VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ TRUNG TÂM VÙNG

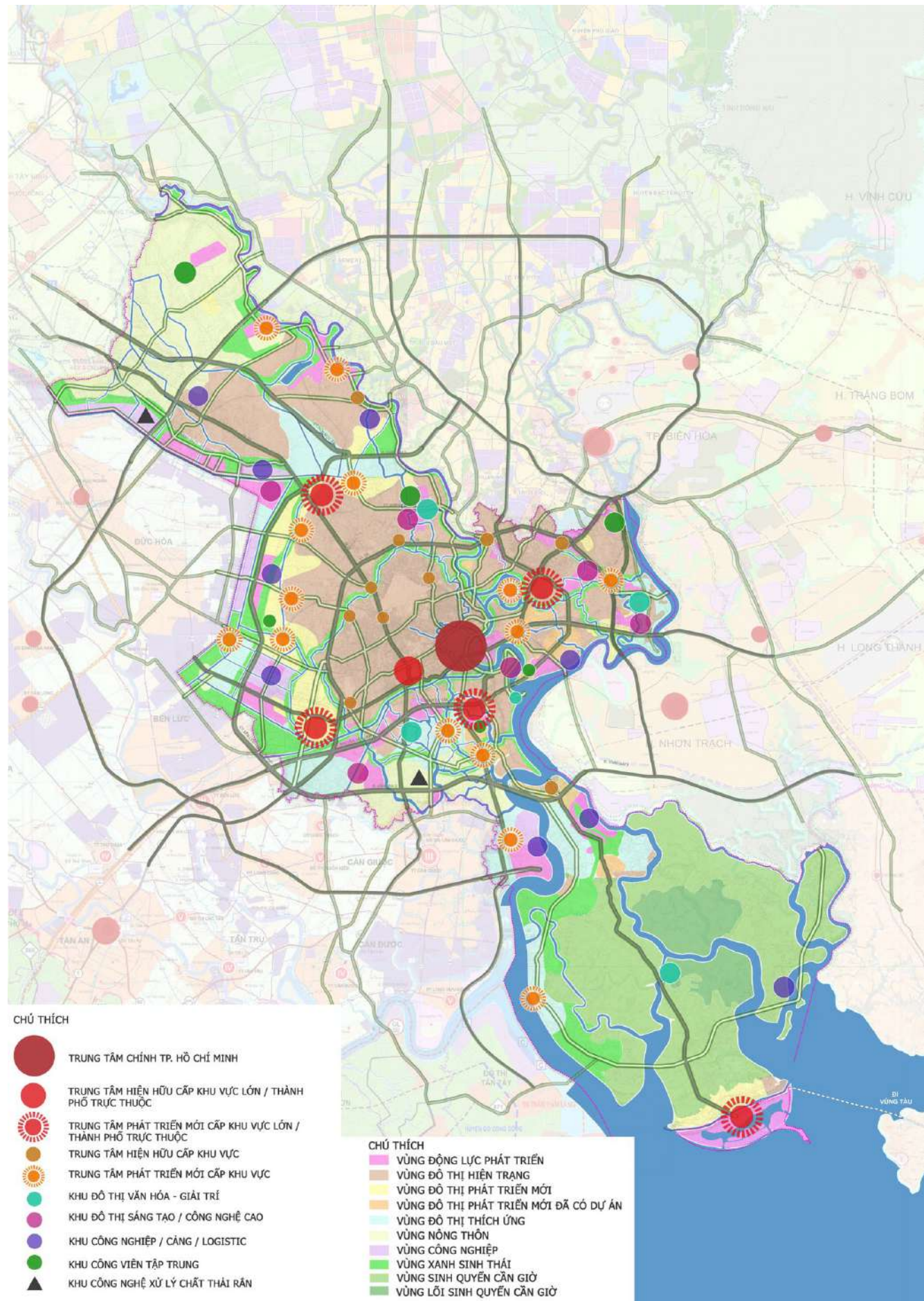


- Thành phố đa tâm và đa dạng không gian sinh thái
- Hội tụ nguồn lực phát triển đô thị bởi sông Sài Gòn và 9 trục xuyên tâm (4 trục Đông - Tây và 5 trục Bắc - Nam)
- Lan tỏa cơ hội kinh tế theo 3 vành đai và hành lang kinh tế biển

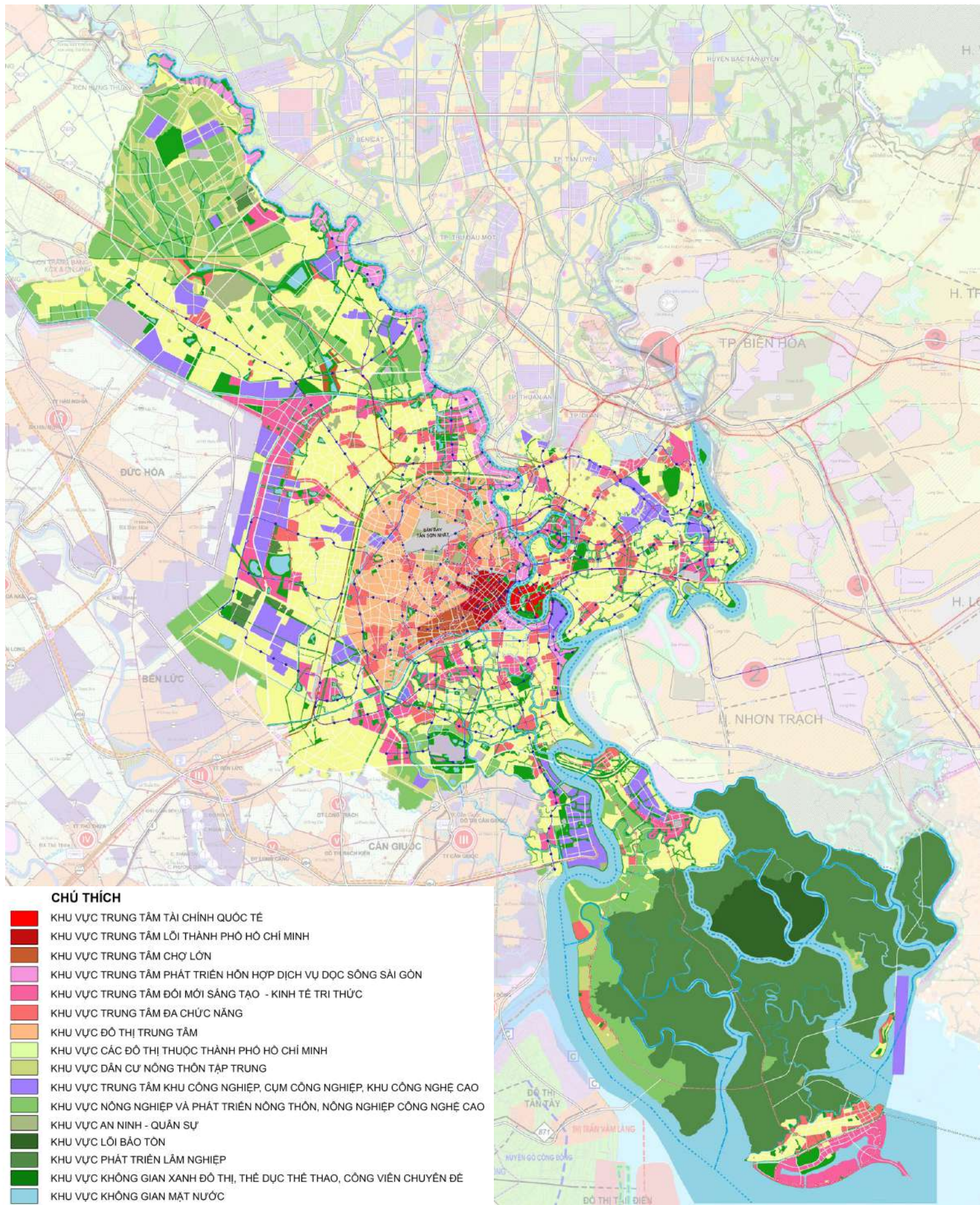


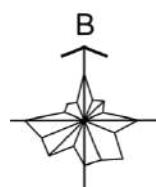


Hình: Cơ cấu điều chỉnh QH không gian



Sơ đồ định hướng Phát triển không gian



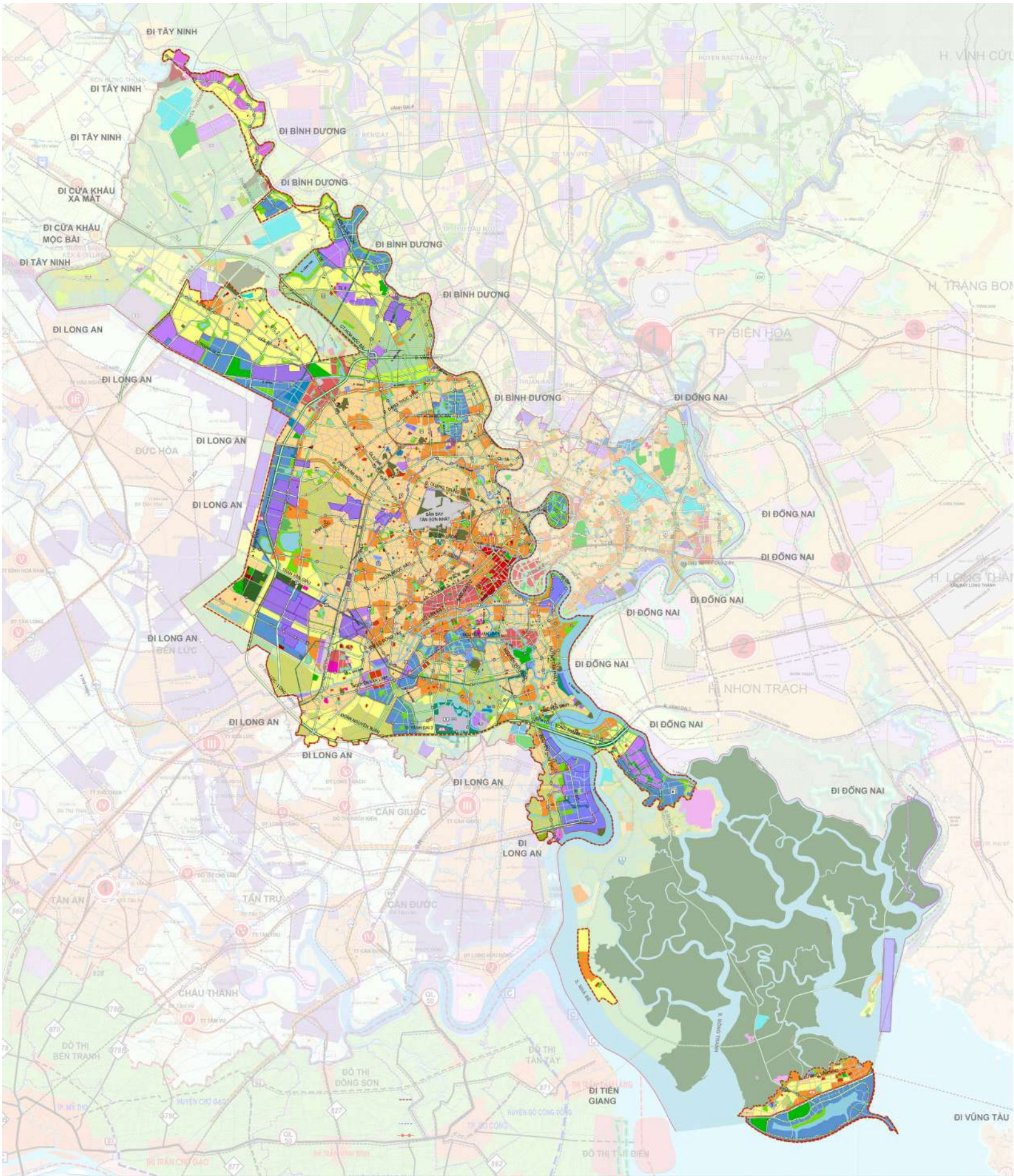


- Đến năm 2030: đất xây dựng toàn Thành phố khoảng 100.000 - 105.000 ha, (trung bình khoảng 73 - 95 m²/người); trong đó, đất dân dụng khoảng 65.000 - 68.000 ha (trung bình khoảng 47 - 62 m²/người).
- Đến năm 2040: đất xây dựng toàn Thành phố khoảng 125.000 - 130.000 ha (trung bình khoảng 75 - 93 m²/người); trong đó, đất dân dụng khoảng 85.000 - 88.000 ha (trung bình khoảng 52 - 63 m²/người)

KHU ĐẤT DÂN DỤNG			
	HIỆN TRẠNG	ĐỢT ĐẦU	DÀI HẠN
ĐẤT ĐƠN VỊ Ở			
ĐẤT HỖN HỢP			
KHU ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CHỨC NĂNG KHÁC			

KHU ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG			
	HIỆN TRẠNG	ĐỢT ĐẦU	DÀI HẠN
KHU ĐẤT CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, LOGISTIC, ĐÔ THỊ			
KHU ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP, KHO TÀNG, LOGISTIC, CẢNG			
KHU ĐẤT CÔNG NGHỆ CAO			
KHU CƠ QUAN TRỊ SỞ NGOÀI ĐÔ THỊ			
KHU TRUNG TÂM Y TẾ			
TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ DỤC - THỂ THAO			
KHU ĐẤT DỊCH VỤ, DU LỊCH, THƯƠNG MẠI			
KHU ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG HẠN CHẾ			
KHU CÂY XANH CHUYÊN DỤNG			
KHU ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH			
KHU ĐẤT AN NINH			
KHU ĐẤT QUỐC PHÒNG			
KHU CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI GIAO THÔNG ĐỐI NGOÀI			
KHU ĐẤT ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC NGOÀI ĐÔ THỊ			
HỒ AO, ĐÀM			
HỒ DỰ TRÙ NGUỒN NƯỚC			
MẶT NƯỚC VEN BIỂN			

Bản đồ quy hoạch sử dụng đất khu vực đô thị trung tâm



CÁC PHÂN VÙNG ĐÔ THỊ - MÔ HÌNH ĐÔ THỊ ĐA TRUNG TÂM

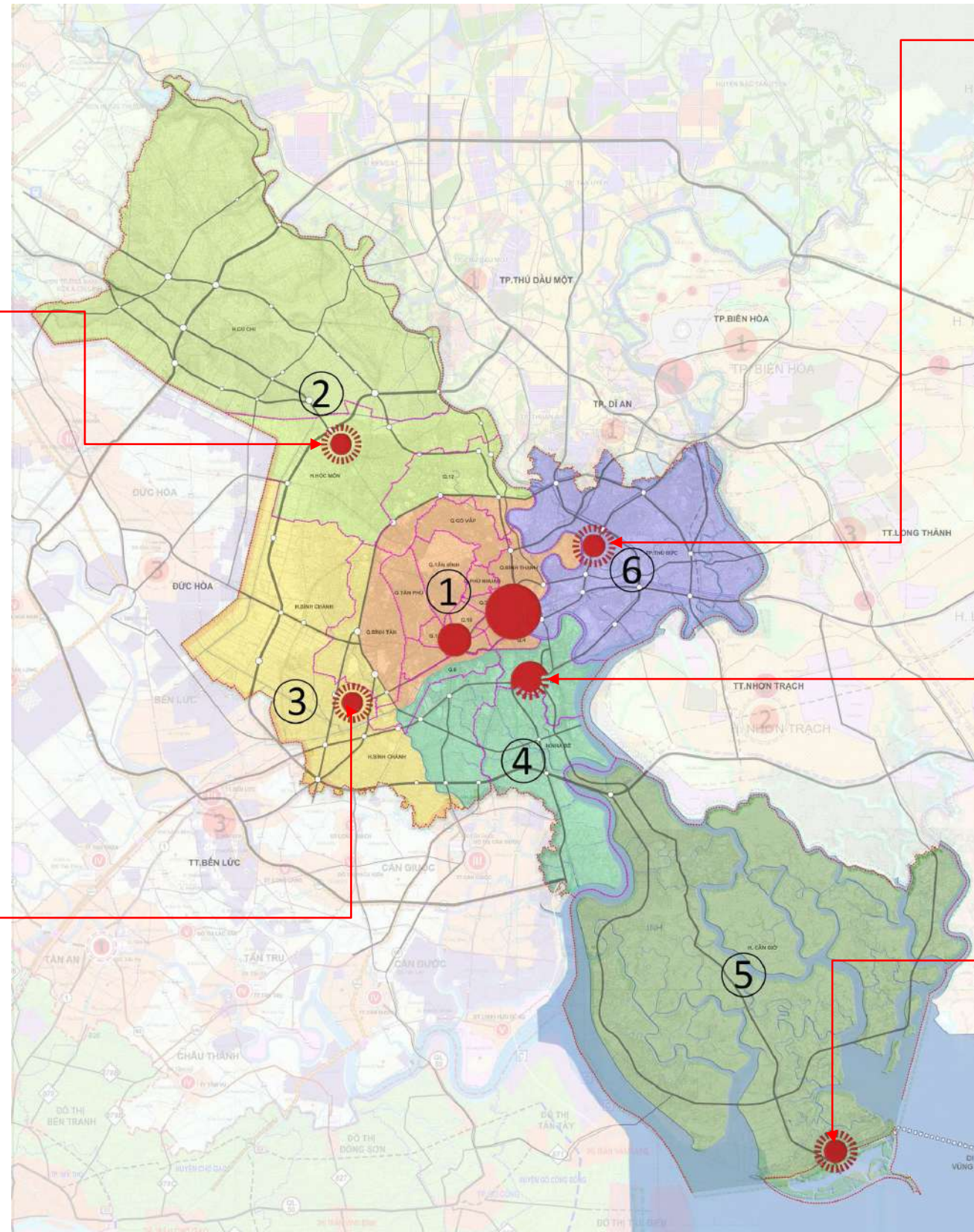
Thành phố được tổ chức theo **6 phân vùng đô thị**, với các trung tâm chính ở khu vực trung tâm TP.HCM (vùng Sài Gòn, Chợ Lớn), Trường Thọ - Rạch Chiếc, Phú Mỹ Hưng (mở rộng), Tân Kiên, khu vực Tây Bắc Hóc Môn – Tây Nam Củ Chi – Có tính khả thi cao, thuận lợi kết nối về trung tâm Thành phố lớn.



Trung tâm của Phân vùng phía Bắc – Khu vực giao giữa Vành đai 3 và QL22 đến đường Cao tốc Mộc Bài - TPHCM



Trung tâm của phân vùng phía Tây – Khu vực Tân Kiên



Trung tâm Thành phố Thủ Đức

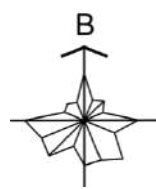


Trung tâm của phân vùng phía Nam – Khu vực Phú Mỹ Hưng mở rộng về phía Nam

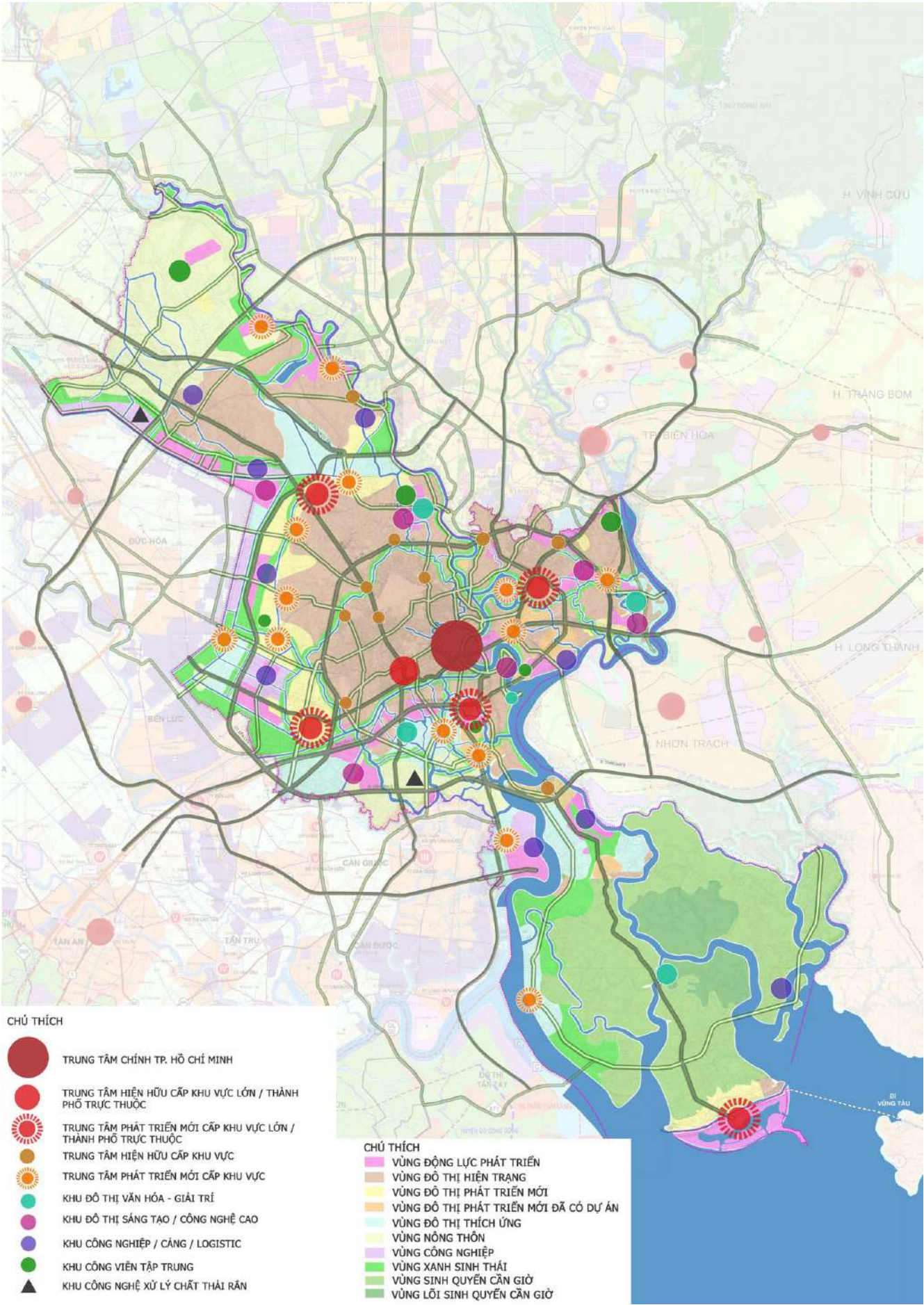


Trung tâm của phân vùng phía Đông Nam – Khu vực đô thị lấn biển Cần Giờ

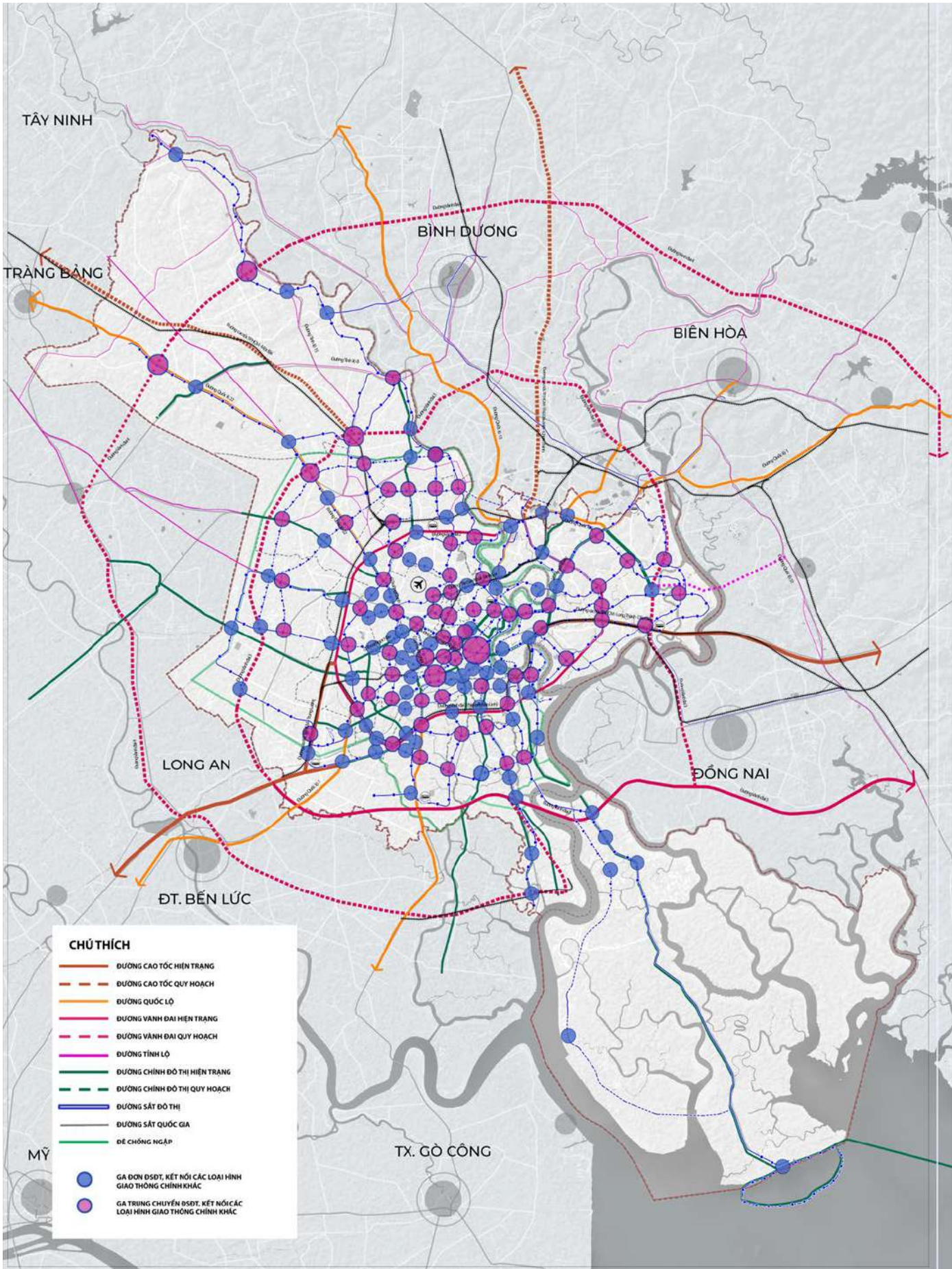
Mỗi **vùng** được định hướng theo các **tính chất chính**, nhưng đều là những **vùng đa chức năng** có thể đáp ứng nhu cầu việc làm và môi trường sống có chất lượng cao, tại chỗ, cho bộ phận lớn người dân, và thực hiện vai trò trung tâm Vùng, Quốc gia và Quốc tế - Gắn với khung hạ tầng đô thị và **TOD**.



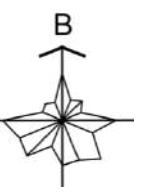
Hình: Cơ cấu điều chỉnh QH không gian



Hình: Khung hạ tầng liên vùng và đô thị - **TOD**



Quỹ đất tiềm năng phát triển TOD :



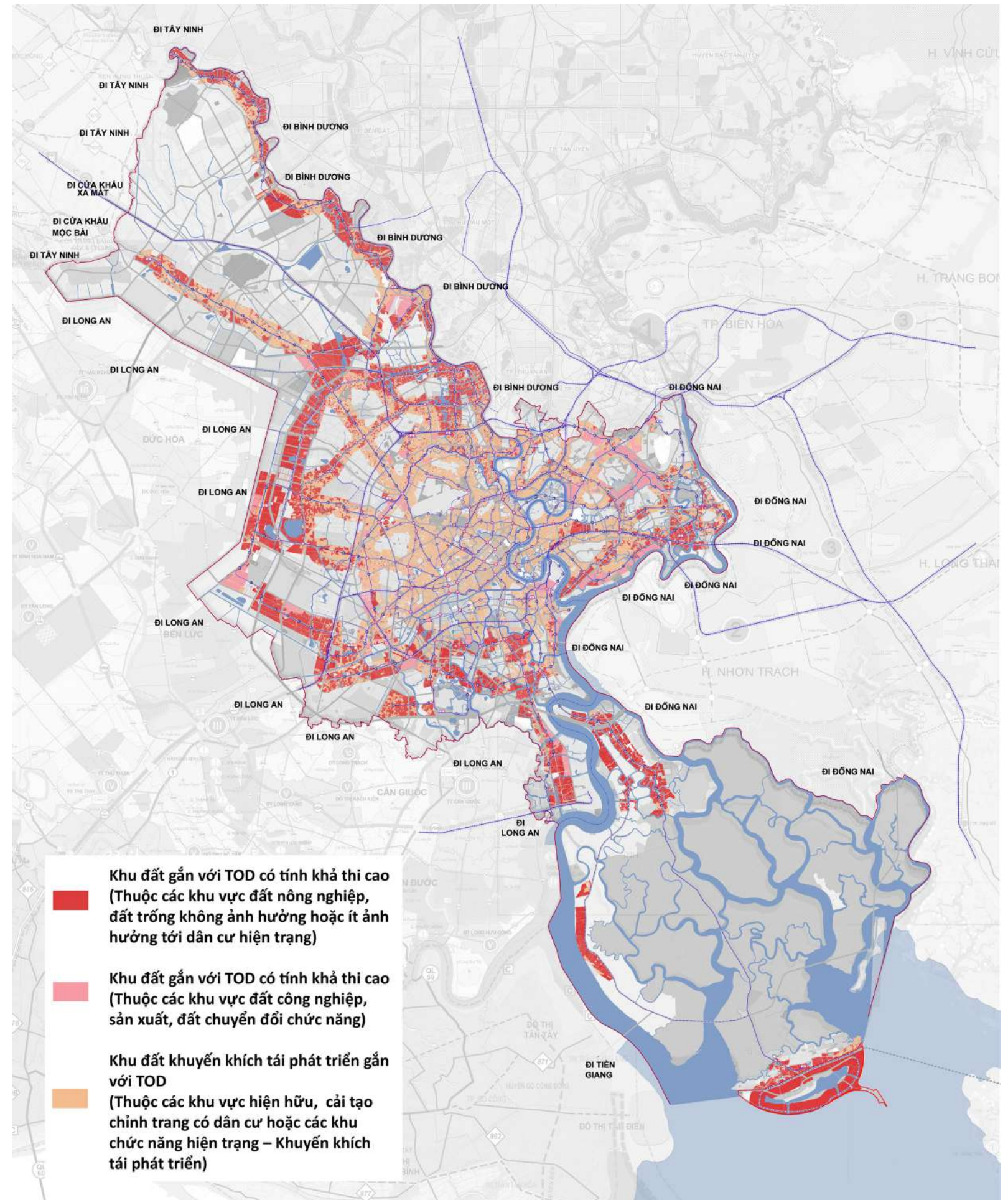
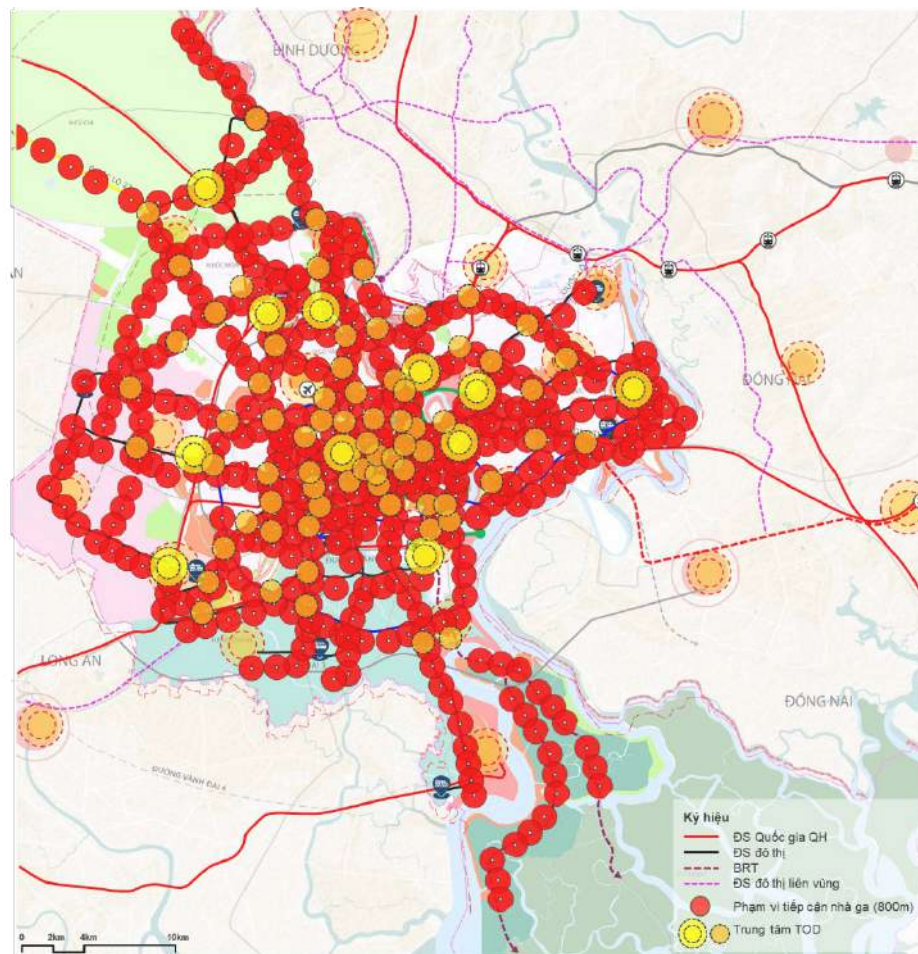
+ Thuộc các khu vực đất nông nghiệp, đất trống không ảnh hưởng hoặc ít ảnh hưởng tới dân cư hiện trạng khoảng: **32.000 ha** ;

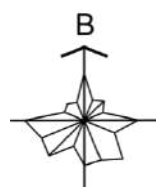


+ Thuộc các khu vực đất công nghiệp, sản xuất, đất chuyển đổi chức năng khoảng: **9.000 ha**

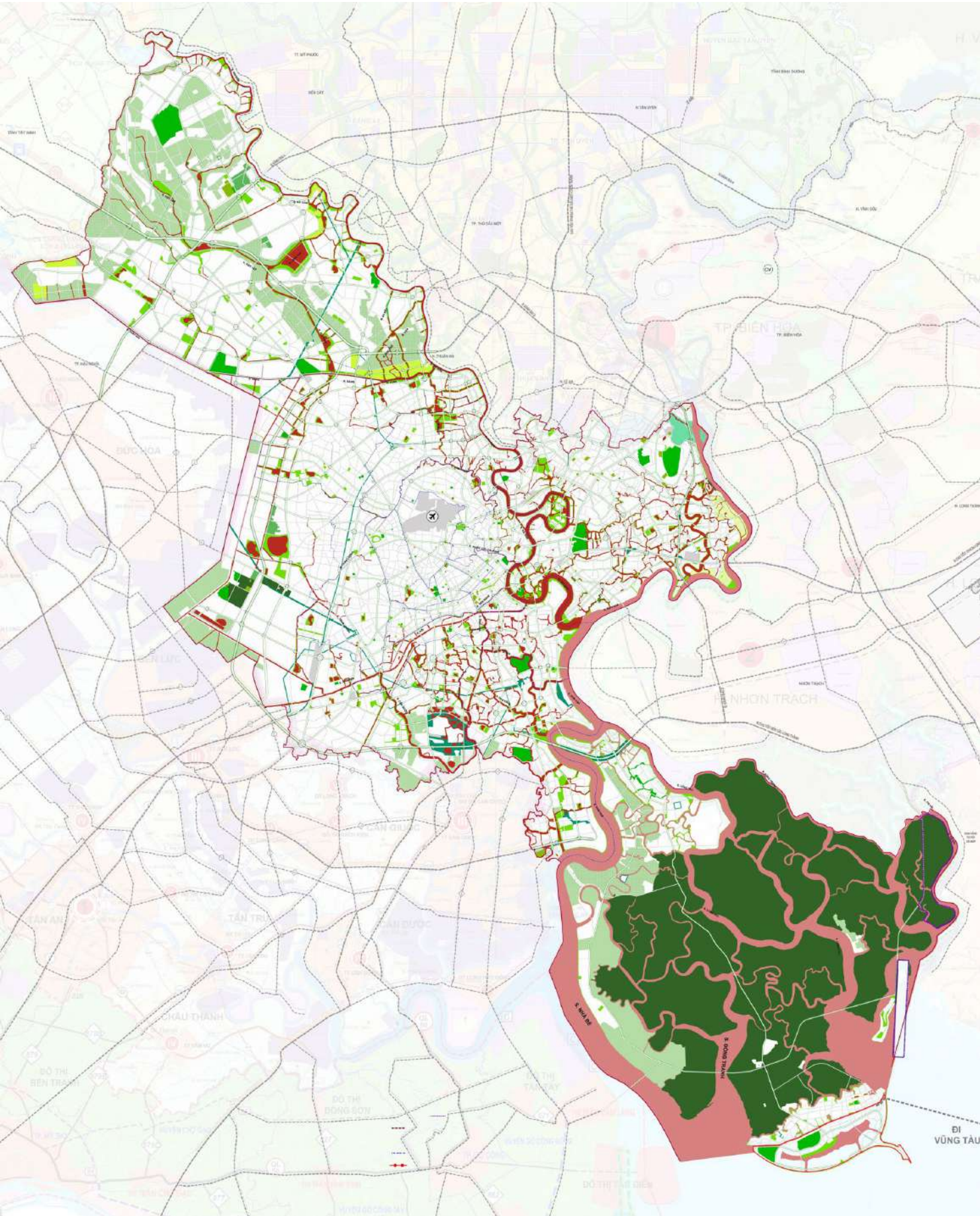


- Khu đất **khuyến khích** tái phát triển gần với TOD khoảng: **23.000 ha**; (thuộc các khu vực hiện hữu, cải tạo chỉnh trang có dân cư hoặc các khu chức năng hiện trạng)

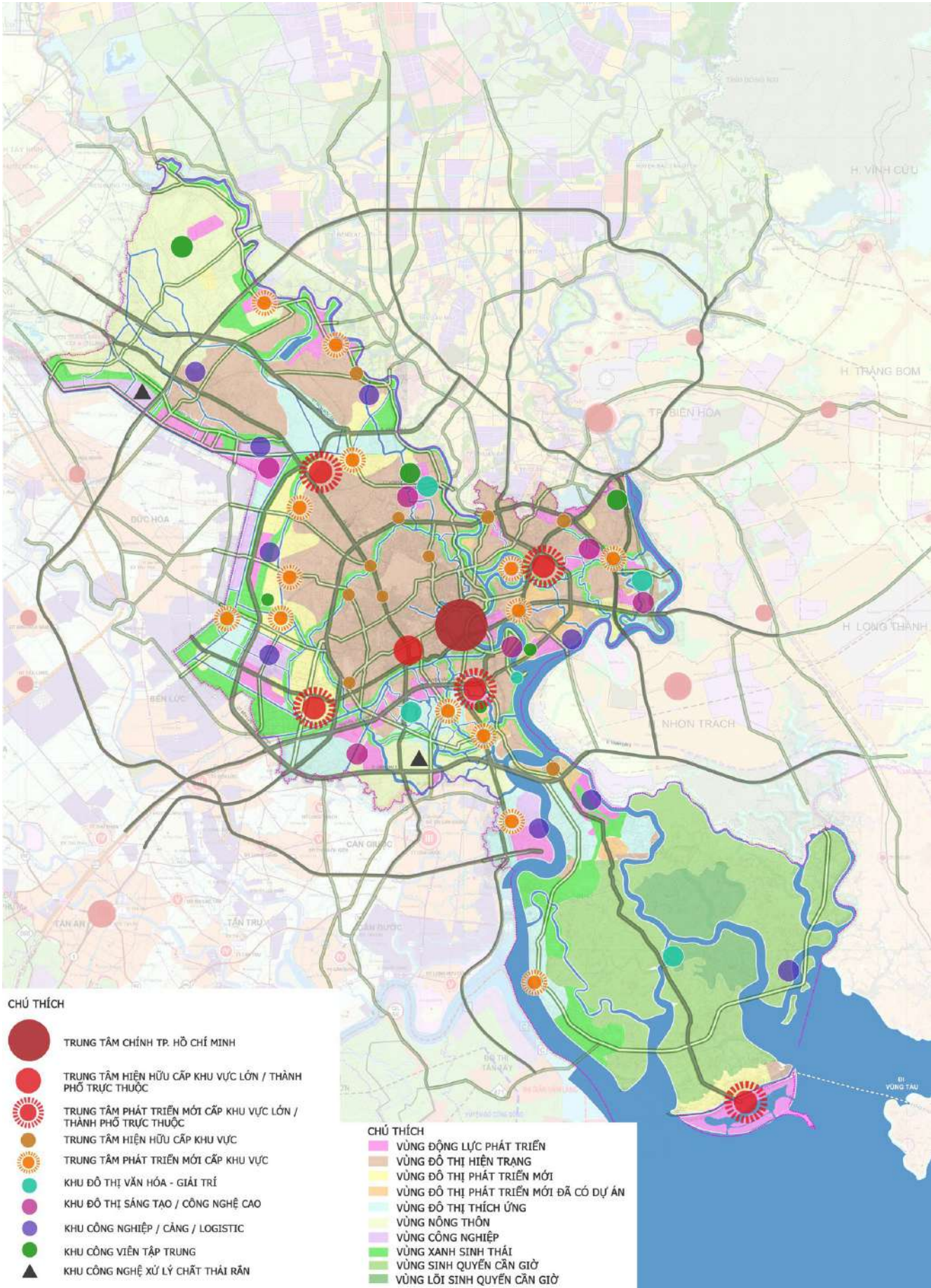


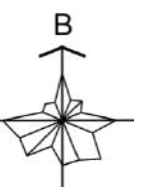


Hình: Khung không gian mở và sinh thái



Hình: Cơ cấu điều chỉnh QH không gian





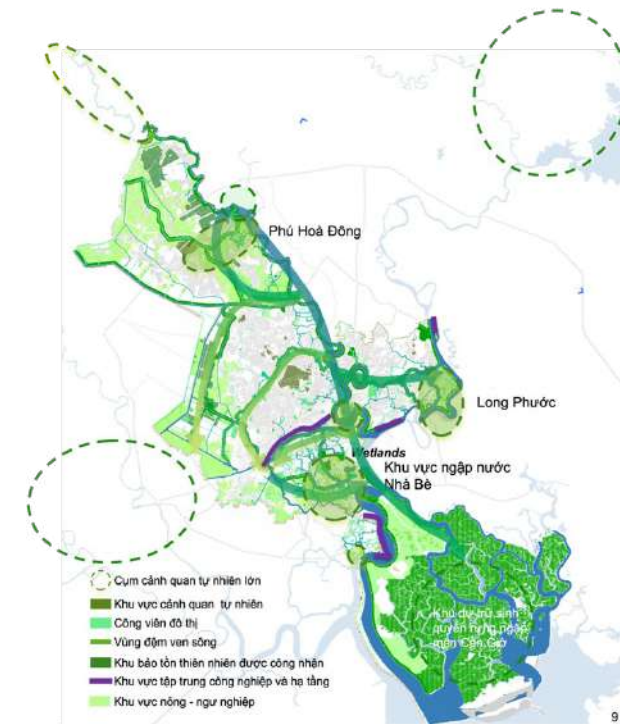
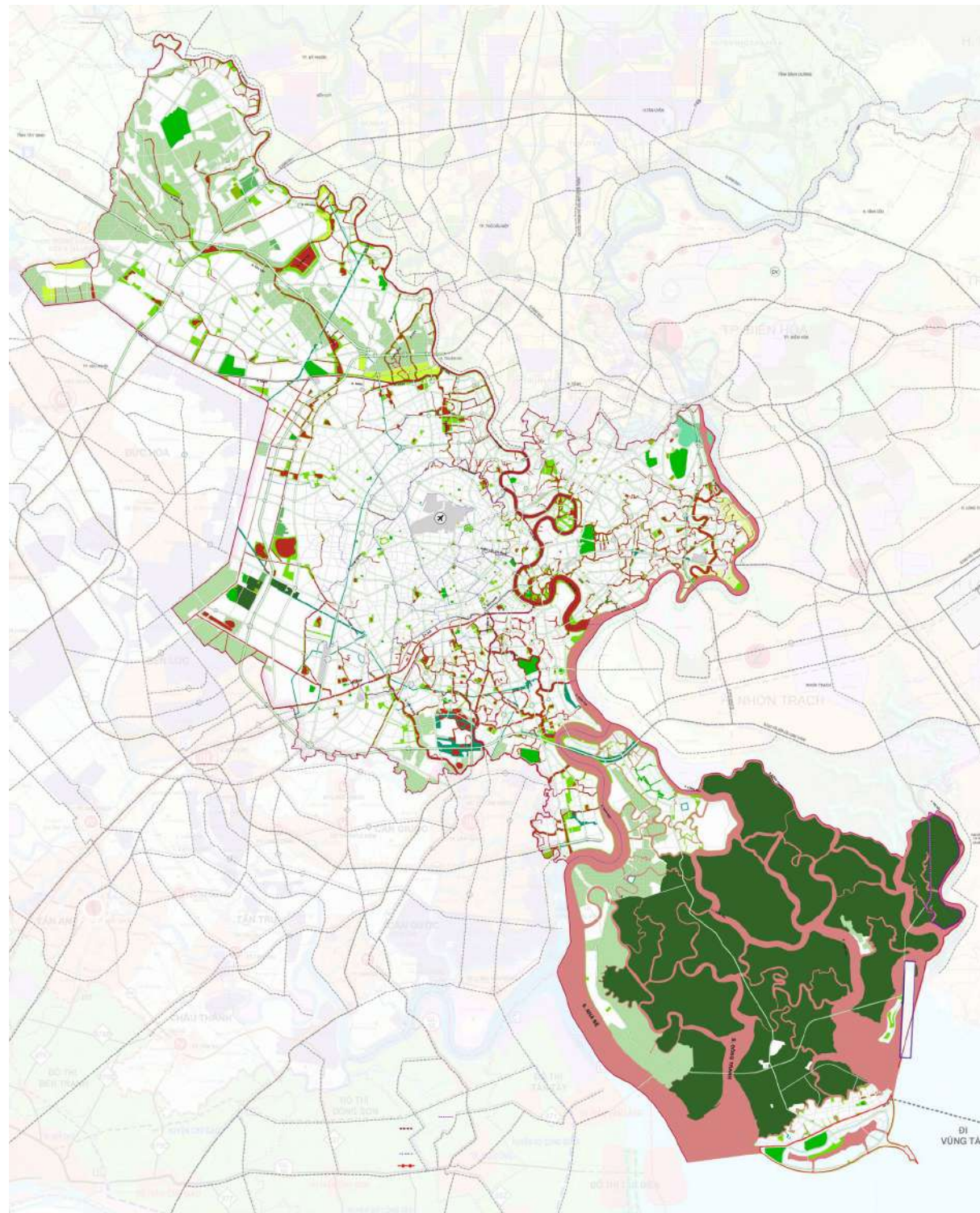
□ Quy hoạch hệ thống không gian mở công cộng:

Khai thác giá trị đa dạng của cảnh quan sinh thái:

- Các quỹ đất có thể tái phát triển trong vùng đô thị trung tâm:

Dành khoảng **30%** cho công viên cây xanh công cộng;

- Tổ chức không gian công viên, đường dạo công cộng dọc theo hệ thống sông và kênh rạch - **hạn chế việc tổ chức đường cơ giới chia cắt công viên ven sông với các không gian đô thị.**



Hình: Chiến lược kết nối sinh thái



- Tận dụng các giá trị cảnh quan tự nhiên, đồng thời bổ sung các tiện ích như: đường dạo, điểm dừng chân, dịch vụ nhỏ đan xen để tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng cho người dân và du khách:

+ Các **công viên sinh thái ngập mặn**: Trong trung tâm; Hiệp Phước; Long Phước; Cần Giờ;

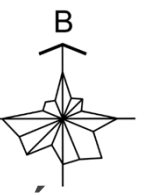
+ Các **lâm viên**: Củ Chi, Bình Chánh;

+ **Công viên sinh thái nông nghiệp**: Củ Chi; Cần Giờ (phía Tây); Bình Chánh

- Khai thác rừng Cần Giờ: Tổ chức bay khinh khí cầu ngắm rừng từ trên cao và các đường dạo, chòi ngắm cảnh trong vùng rừng ngập mặn

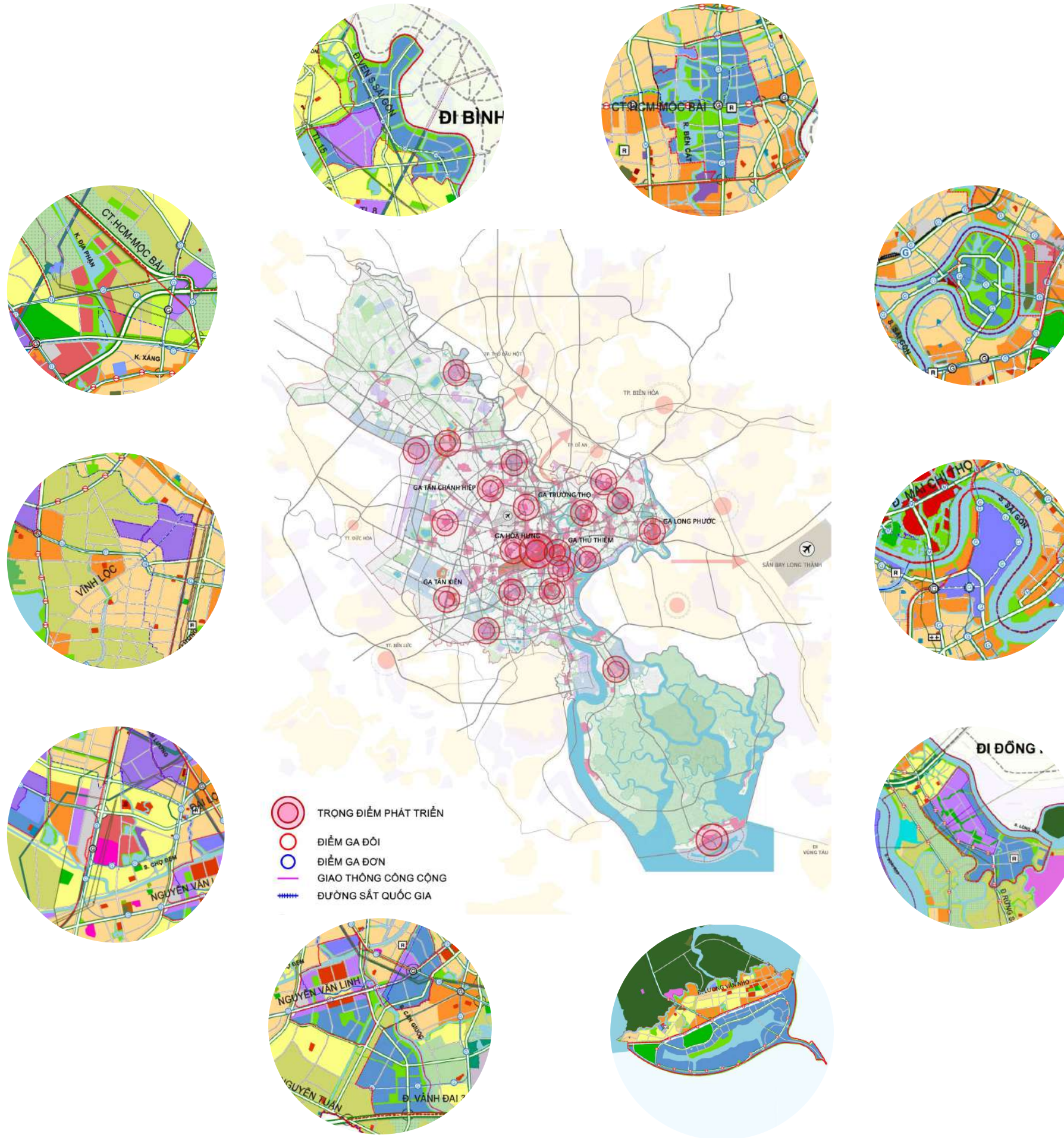


PHÁT TRIỂN CÁC TRUNG TÂM KINH DOANH (CBD - Central business district)

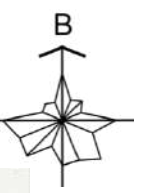


Phát triển những **trung tâm kinh doanh (business district)** hiện đại, gắn kết với hệ thống giao thông vùng và cửa ngõ quốc tế, có thể tạo ra giá trị kinh tế cao, nhằm thu hút các các doanh nghiệp theo từng chủ đề chuỗi giá trị.

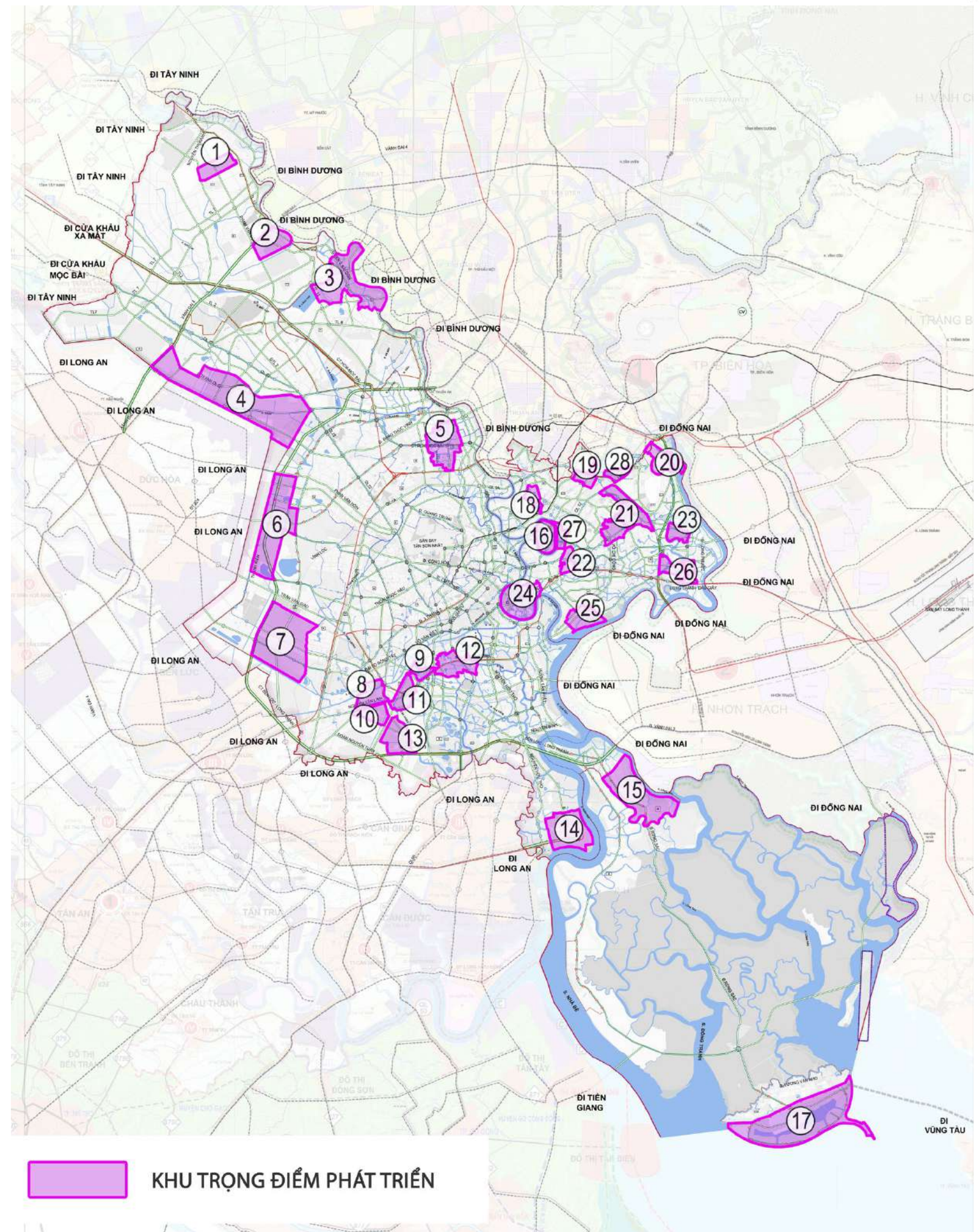
- Các trung tâm này nên đa dạng về sử dụng đất, với tỷ lệ đất ở, nhà ở $\leq 20\%$ diện tích.
- Các trung tâm đều phải có kết nối trực tiếp với hệ thống đường sắt đô thị, đường sắt liên vùng và các tuyến đường cao tốc, để có thể di chuyển nhanh nhất tới trung tâm thành phố và các sân bay.
- Các trung tâm kinh doanh hướng đến giá trị kinh tế tri thức, sáng tạo, công nghệ cao.



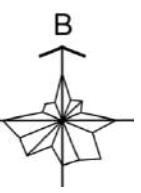
CÁC KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM PHÁT TRIỂN



- 1 – Khu đô thị công nghiệp nông nghiệp, công nghệ cao, đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ, đơn vị ở An Phú.
- 2 – Đô thị dịch vụ Phạm Văn Cội.
- 3 – Đô thị dịch vụ Trung An.
- 4 – Khu đô thị Tây Bắc.
- 5 – Khu đô thị dịch vụ và công nghệ cao gần với công viên trung tâm Quận 12 – huyện Hóc Môn.
- 6 – Khu đô thị công nghiệp Phạm Văn Hai.
- 7 – Khu đô thị công nghiệp Lê Minh Xuân.
- 8 – Khu logistic Phú Định.
- 9 – Đô thị đa chức năng phân khu số 11, 12 – Khu đô thị mới Nam thành phố.
- 10 – Đô thị đa chức năng phân khu số 19, 20 – Khu đô thị mới Nam thành phố.
- 11 – Đô thị đa chức năng phân khu số 13, 14, 15 – Khu đô thị mới Nam thành phố.
- 12 – Đô thị đa chức năng phân khu số 6b, 7, 8, 9, 10 – Khu đô thị mới Nam thành phố.
- 13 – Khu đô thị đại học Hưng Long.
- 14 – Khu công nghiệp, dịch vụ, cảng Hiệp Phước.
- 15 – Khu logistic, cảng Bình Khánh.
- 16 – Khu đô thị, công viên Bình Quới - Thanh Đa
- 17 – Khu đô thị lấn biển Cần Giờ
- 18 – Khu Đô thị - Công viên Tam Phú.
- 19 – Khu hỗn hợp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đào tạo, đô thị Linh Trung.
- 20 – Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa dân tộc, công viên chuyên đề, du lịch sinh thái, tôn giáo.
- 21 – Khu công nghệ cao TP.HCM.
- 22 – Khu đô thị Thể dục thể thao (Rạch Chiếc).
- 23 – Khu Công viên KH công nghệ cao tại Bắc Long Phước
- 24 – Trung tâm tài chính quốc tế Thủ Thiêm.
- 25 – Khu Công nghiệp - logistics - đô thị Cát Lái.
- 26 – Khu đô thị tri thức và công nghệ cao, công nghệ tiên tiến ở Khu vực Tam Đa.
- 27 – Khu vực đô thị thương mại, văn hóa, sáng tạo, tương tác cao Trường Thọ
- 28- Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (phần thuộc TP. Thủ Đức)

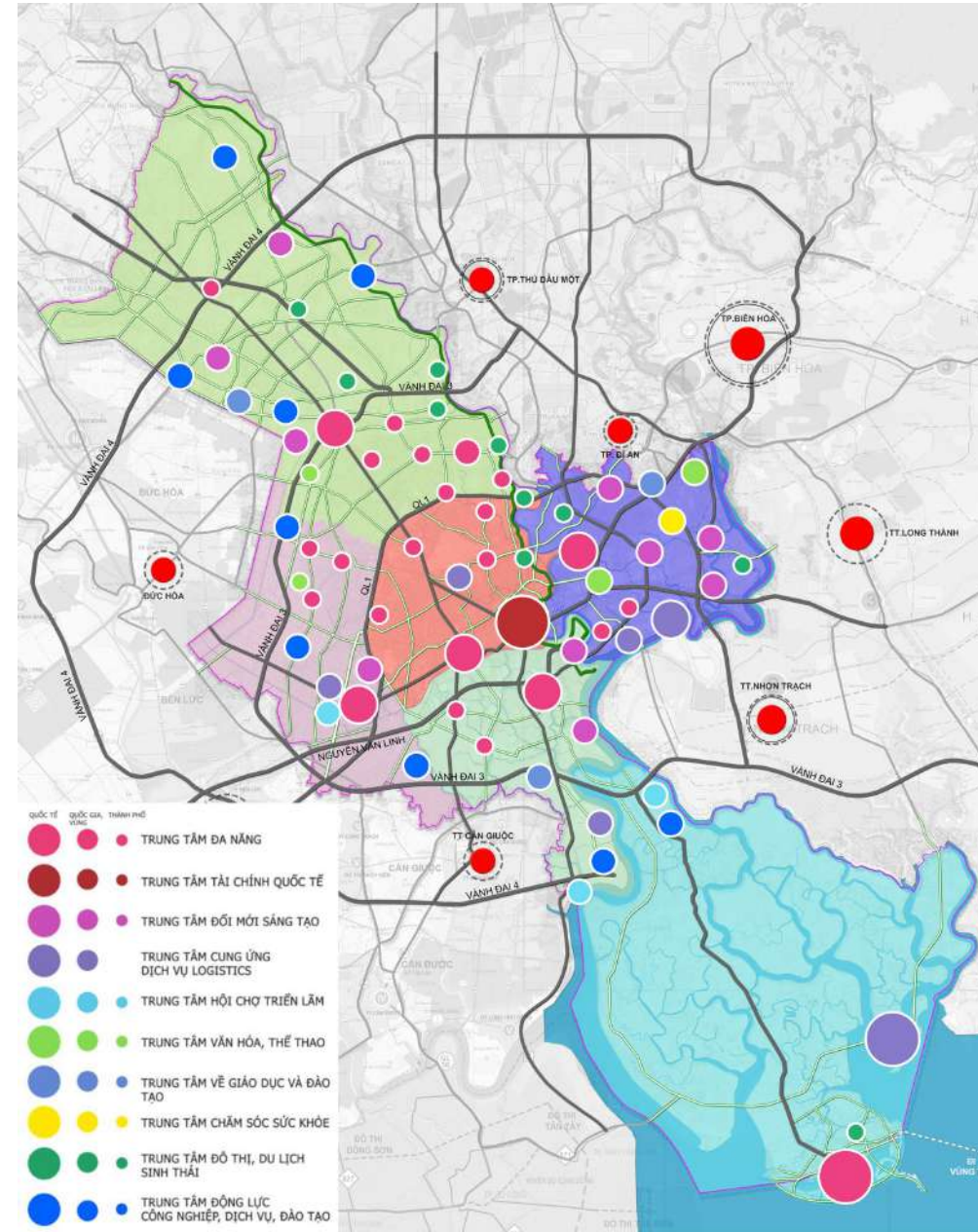
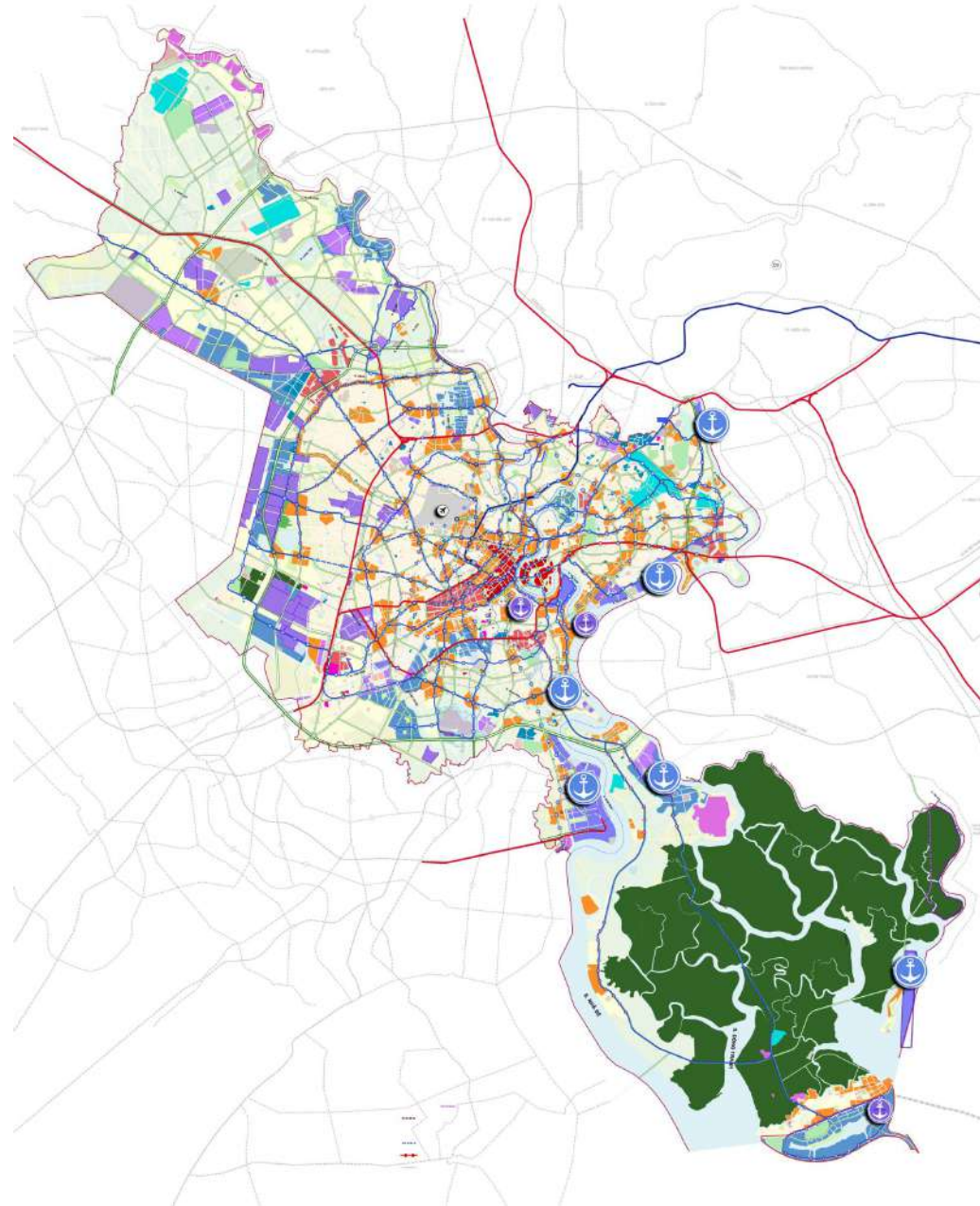


ĐÔ THỊ 15-20 PHÚT - CÁC “LƯU VỰC SỐNG” VÀ LÀM VIỆC TRONG BÁN KÍNH 5KM

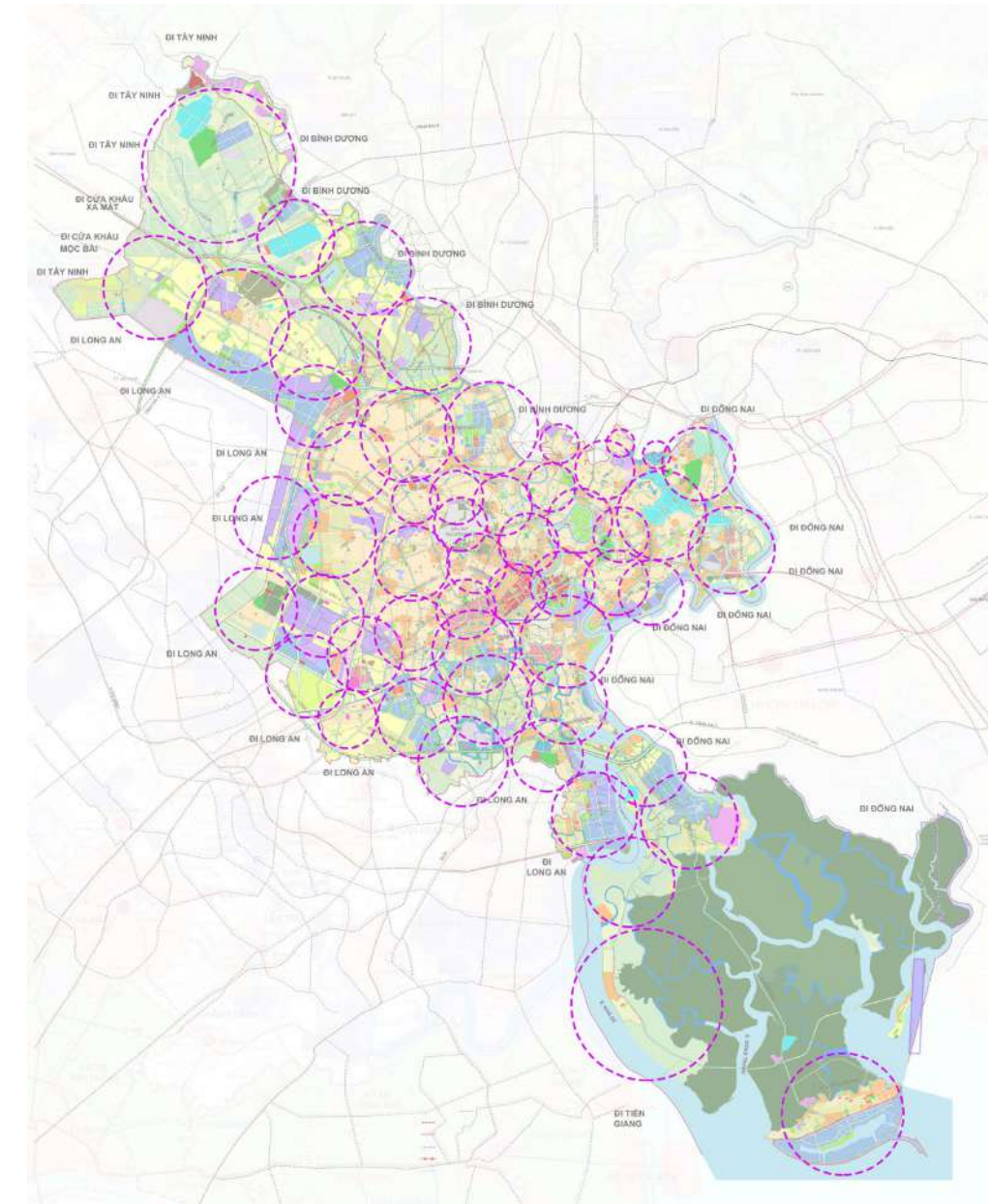


Tổ chức Thành phố thành khoảng 60 lưu vực sống và làm việc trong bán kính 15-20 phút di chuyển (khoảng 5km):

Các trung tâm việc làm

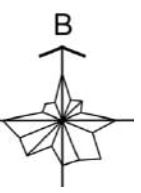


Các lưu vực sống gần với các trung tâm việc làm và khả năng tiếp cận GTCC

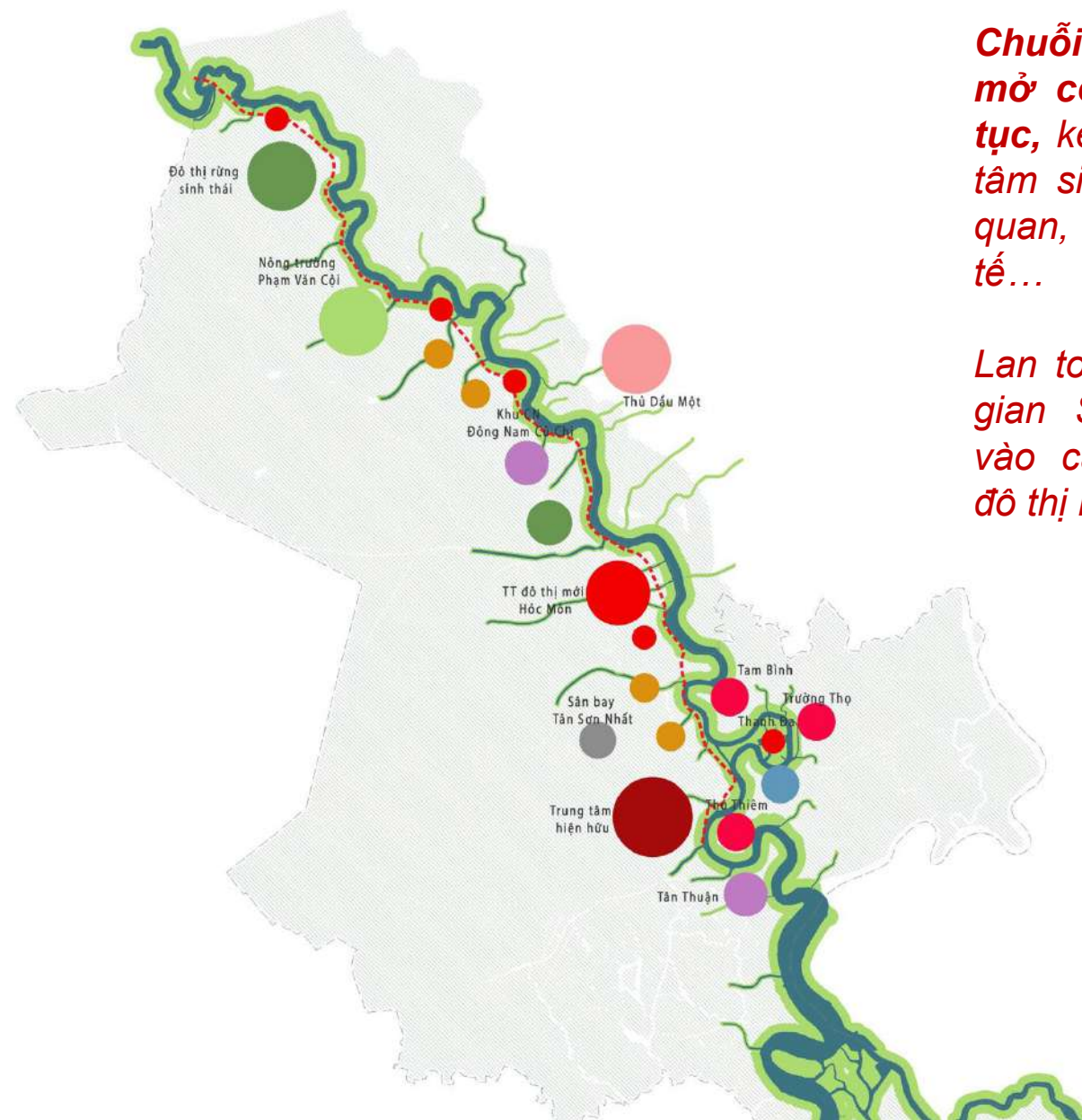


Khai thác tiềm năng, cơ hội của các phân vùng đô thị để phát triển từng khu vực thành những lưu vực sống và làm việc (trong bán kính khoảng 5km; Khu vực nông thôn có bán kính lớn hơn), gần với các trung tâm thương mại, dịch vụ và việc làm tại mỗi khu vực hoặc trung tâm đô thị (vai trò vùng, quốc gia, quốc tế và thành phố).

Kết nối các trung tâm đô thị và khu vực bằng các tuyến GTCC quy mô lớn và các tuyến trục giao thông chính đường bộ, đường thủy.



Mục tiêu: Không gian dọc sông Sài Gòn là trọng tâm phát triển mang tính chất đột phá, đưa TPHCM lên tầm cao mới, đẳng cấp quốc tế.



Chuỗi không gian mở công cộng liên tục, kết nối các trung tâm sinh thái – cảnh quan, văn hoá, kinh tế...

Lan tỏa giá trị không gian Sông Sài Gòn vào các không gian đô thị lân cận.

Lấy không gian ven sông Sài Gòn làm mặt tiền cho đô thị, từ khu vực trung tâm truyền thống ở ven sông, phát triển dải đô thị hai bên sông như **“trái tim mở rộng”** – vùng trung tâm quan trọng và có giá trị nhất của Thành phố, trở thành điểm đến quý giá không thể thiếu của mọi người dân và du khách - điểm đến mang bản sắc độc đáo, gắn với cảnh quan của dòng sông trong xanh, gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Thành phố.

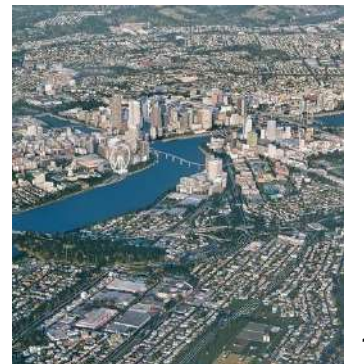
Nâng tầm ý nghĩa của sông Sài Gòn trở thành trung tâm bản sắc văn hóa, giao lưu công cộng và là không gian kinh tế chủ đạo cho thành phố.

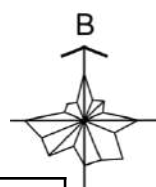
Tổ chức dải công viên công cộng liên tục ven sông, để đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng các tiện ích, dịch vụ ven sông.



Mặt cắt thiết kế điển hình mô tả giải pháp tổ chức không gian mở, công viên công cộng ven mặt nước, gắn trực tiếp với các dãy phố dịch vụ và không bị đường xe cơ giới chia cắt

Hình: Minh họa các giải pháp thiết kế chi tiết về kết hợp không gian công cộng ven sông





STT	Hạng mục	Hiện trạng (*)				Dự báo											
						PA 1 - Phương án chọn				PA 2				PA 3			
		2011	2020	2021	2023	2030	2040	2050	2060	2030	2040	2050	2060	2030	2040	2050	2060
	Tổng dân số tính toán (bao gồm dân số thực tế thường trú; dân số tạm trú trong các khu dân cư) của thành phố (**) (1.000 người) (1+2)		11.228		12.114	13.700	16.500	18.100	20.000	13.700	17.000	19.500	22.000	14.500	19.000	22.000	25.000
1	Dân số thực tế thường trú (1.000 người)	7.613	9.228	9.167	9.457	11.000	13.000	14.500	16.000	11.000	14.000	16.000	18.000	11.500	15.000	17.500	20.000
	- Tốc độ tăng dân số trung bình (%/năm)		2,16 (***)	-0,66	1,82 (****)	1,77	1,68	1,10	0,99	1,77	2,44	1,34	1,18	2,23	2,69	1,55	1,34
	- Tỷ lệ tăng tự nhiên (%) (trung bình cộng)	1,01	1,01	0,98	0,73	0,85	0,80	0,75	0,75	0,85	0,80	0,75	0,75	0,85	0,80	0,75	0,75
	- Tỷ lệ tăng dân số cơ học(%/năm)		1,15	-1,64	1,09	0,92	0,88	0,35	0,24	0,92	1,64	0,59	0,43	1,38	1,89	0,80	0,59
2	Dân số tạm trú dưới 6 tháng và dân số quy đổi khác, (không bao gồm khách du lịch) (1.000 người)		2.000		2.657	2.700	3.500	3.600	4.000	2.700	3.000	3.500	4.000	3.000	4.000	4.500	5.000
	Tỷ lệ % so dân số thực tế thường trú				28,1	24,5	26,9	24,8	25,0	24,5	21,4	21,9	22,2	26,1	26,7	25,7	25,0

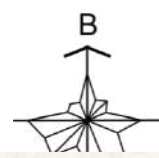
Ghi chú: (*) Nguồn: Số liệu dân số hiện trạng tổng hợp theo NGTK thành phố các năm 2011-2022; Báo cáo thống kê dân số năm 2023;
(**): Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2011-2020; (***) Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2011-2023.

Phương án chọn – Phương án 1 :

Tốc độ tăng dân số thực tế thường trú (TTTT) giảm dần từ khoảng >2%/năm trong hiện trạng xuống còn trung bình 1,77%/năm trong giai đoạn đến năm 2030; còn 1,68%/năm trong giai đoạn đến 2040; còn 1,1%/năm trong giai đoạn đến năm 2050 và 0,9%/năm (đến năm 2060 hầu như chỉ còn tăng tự nhiên, tăng cơ học còn rất thấp) - phù hợp với định hướng hạn chế phát triển các ngành công nghiệp thâm dụng lao động của thành phố trong kỳ quy hoạch.

Ngoài dân số thực tế thường trú, khi tính toán nhu cầu nhà ở và hạ tầng (tuỳ theo chuyên ngành), cần bổ sung tính toán cho dân số khác (Dân số tạm trú dưới 6 tháng và dân số quy đổi khác, (không bao gồm khách du lịch) bằng khoảng 20-30% dân số thực tế thường trú. Cụ thể như sau:

- Đến năm 2030: dân số TTTT của Thành phố là khoảng 11,0 triệu người; Dân số tính toán nhà ở và hạ tầng là khoảng 13,7 triệu người.
- Đến năm 2040: dân số TTTT của Thành phố là khoảng 13,0 triệu người; Dân số tính toán nhà ở và hạ tầng là khoảng 16,5 triệu người.
- Đến năm 2060: dân số TTTT của Thành phố là khoảng 16,0 triệu người; Dân số tính toán nhà ở và hạ tầng là khoảng 20 triệu người.



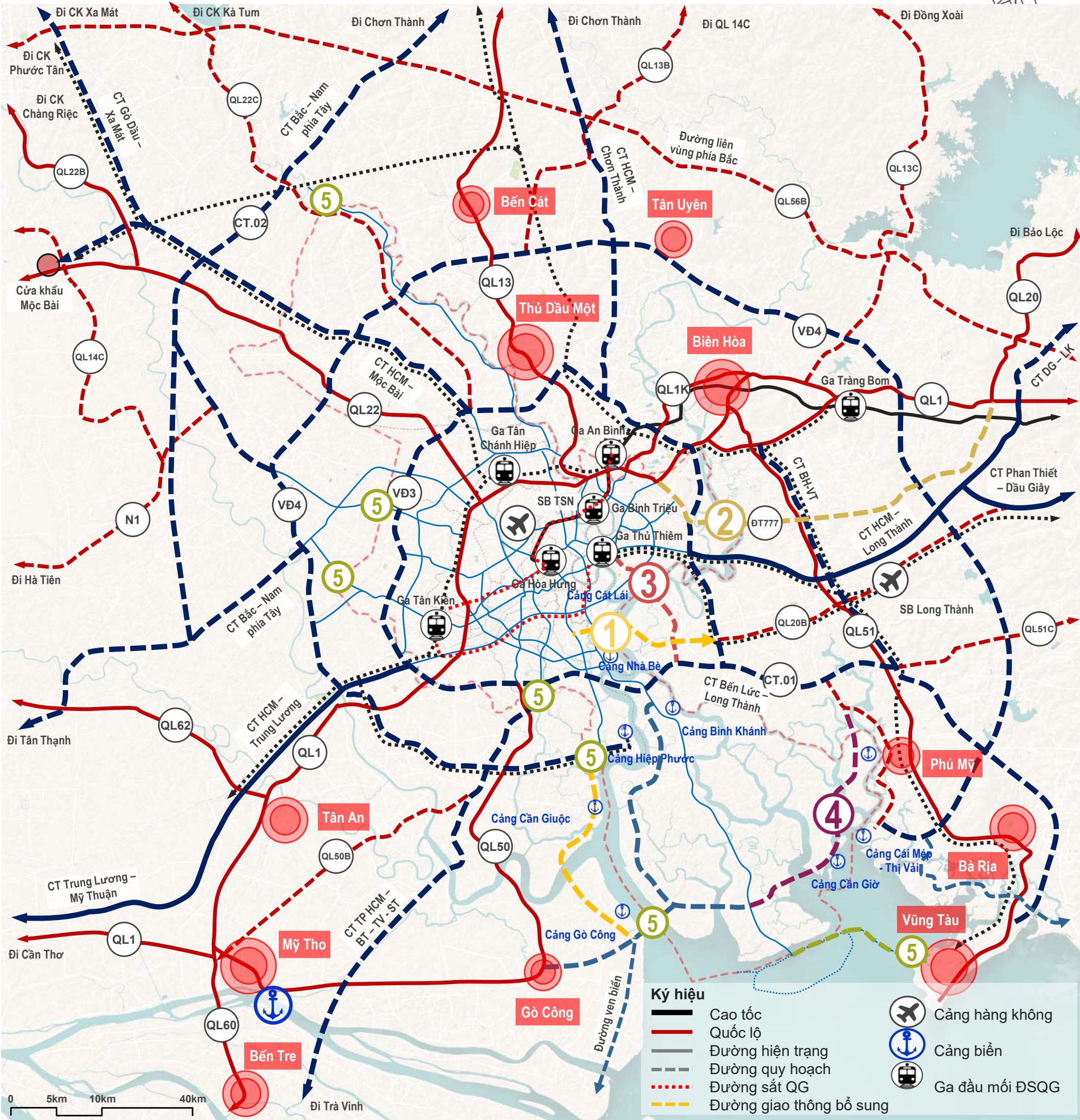
Cập nhật:

Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

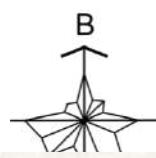
05 quy hoạch chuyên ngành giao thông quốc gia (đường bộ, đường sắt, cảng biển, đường thủy, cảng hàng không)

Bổ sung

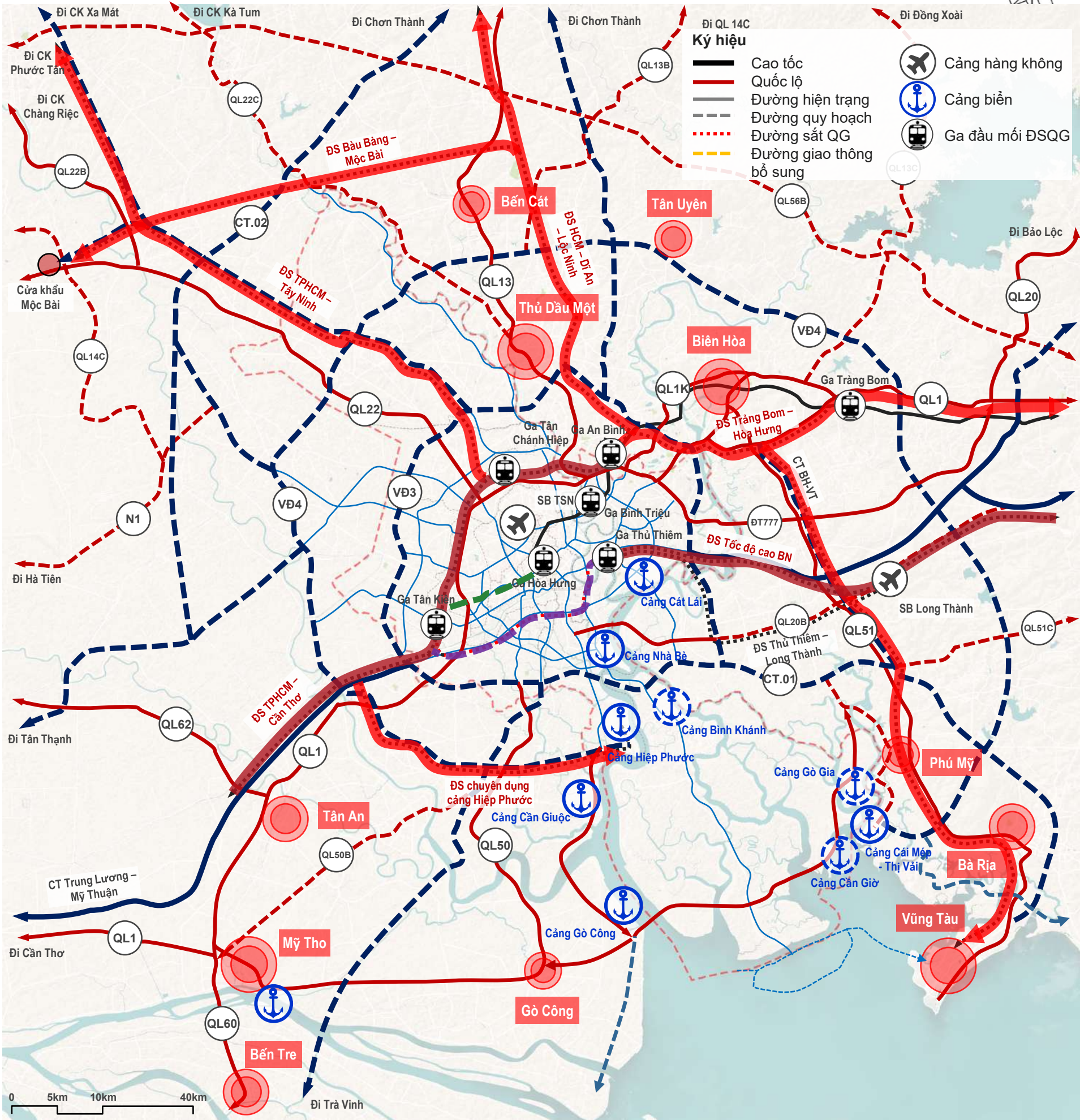
- Bổ sung tuyến kết nối với Cảng hàng không quốc tế sân bay Long Thành từ trung tâm Thành phố qua cầu Phú Mỹ 2;**
- Bổ sung kết nối về phía Đông với Đồng Nai (đường tỉnh 777B) qua cầu Đồng Nai 2 để giảm tải cho Quốc lộ 1 và đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây;**
- Bổ sung kết nối Thủ Đức với Nhơn Trạch-Đồng Nai qua cầu Cát Lái phục vụ giao thông liên đô thị và tăng cường kết nối đường bộ từ ga Thủ Thiêm, trung tâm Thành phố đến Cảng hàng không Long Thành;**
- Kết nối đường ven biển từ Gò Công (Tiền Giang) qua cửa sông Soài Rạp đến Cần Giò và kéo dài đến Cao tốc Bến Lức - Long Thành (Đồng Nai) thông qua đường vào cảng Phước An để hỗ trợ cho các cụm cảng biển dự kiến tại Cần Giò;**
- Và các tuyến đường bộ khác kết nối với tỉnh Đồng Nai, Long An, Bình Dương, Tiền Giang. (như: cao tốc TP Hồ Chí Minh – Tiền Giang – Bến Tre – Trà Vinh – Sóc Trăng (CT.33); kéo dài trục đường động lực phía Nam từ Nguyễn Hữu Thọ - Nguyễn Văn Tạo đến Gò Công và kết nối đường ven biển từ Gò Công (Tiền Giang) qua cửa sông Soài Rạp đến Cần Giò; ...)**



GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI | KẾT NỐI/KHÉP KÍN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA QUA TP HCM



1. Xây dựng các tuyến: đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, **đường sắt Trảng Bom - Hòa Hưng - Tân Kiên**, **bổ sung tuyến đường sắt tiềm năng Thủ Thiêm - Tân Kiên**, đường sắt Hồ Chí Minh - Cần Thơ, đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu, đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh, đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành, đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh, đường sắt chuyên dụng kết nối cảng Hiệp Phước.
2. Nâng cấp, xây dựng mới các ga đầu mối gồm các ga hành khách: Ga Sài Gòn (Hòa Hưng), Ga An Bình, Ga Thủ Thiêm, Ga Bình Triệu, Ga Tân Kiên và các ga hàng hóa: Ga An Bình, Ga Trảng Bom, Ga Tân Kiên.

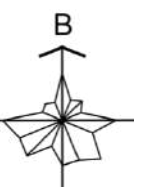


GIAO THÔNG ĐỐI NỘI | BỔ SUNG/KÉO DÀI CÁC TUYẾN HUYẾT MẠCH > GIẢI QUYẾT ĐIỂM NGHẼN CỬA NGÕ

Rà soát quy hoạch hiện có và kết quả mô hình hiện trạng giao thông đề xuất bổ sung, điều chỉnh các trục đường chính đô thị:

- 1. Đầu tư xây dựng 10 tuyến đường trục chính đô thị (ít gián đoạn, chủ yếu giao cắt khác mức)**
- 2. Kéo dài đường Phạm Hùng về phía Nam** để kết nối với nút giao đường cao tốc Bến Lức - Long Thành và cao tốc TP Hồ Chí Minh – Tiền Giang – Bến Tre – Trà Vinh – Sóc Trăng
- 3. Kéo dài đường Võ Văn Kiệt về phía Tây** kết nối đường Lương Hòa - Bình Chánh (Long An) về vành đai 4 và kết nối Đức Hòa (Long An)
- 4. Bổ sung tuyến đường ven sông** kết nối từ Tây Ninh đến cầu Cần Giò (quy hoạch mới) với quy mô tối thiểu 4 làn xe cơ giới kết hợp làn đường riêng dành cho xe đạp và đường sắt đô thị nhẹ đoạn từ trung tâm TP đi Tây Ninh

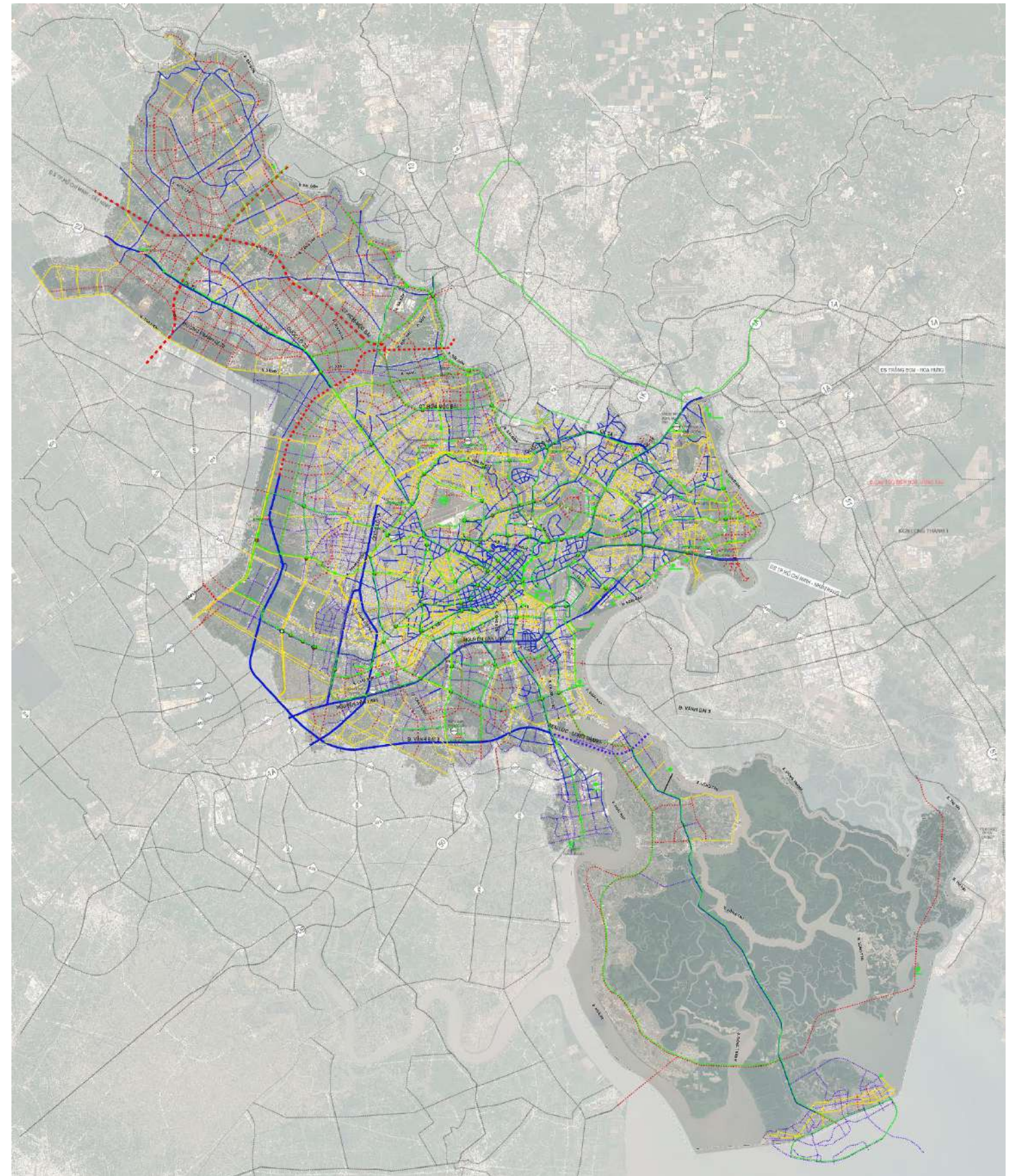




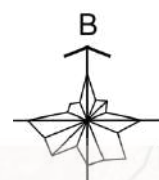
Khó mở rộng các tuyến đường hiện hữu

→ Vai trò quan trọng của GTCC

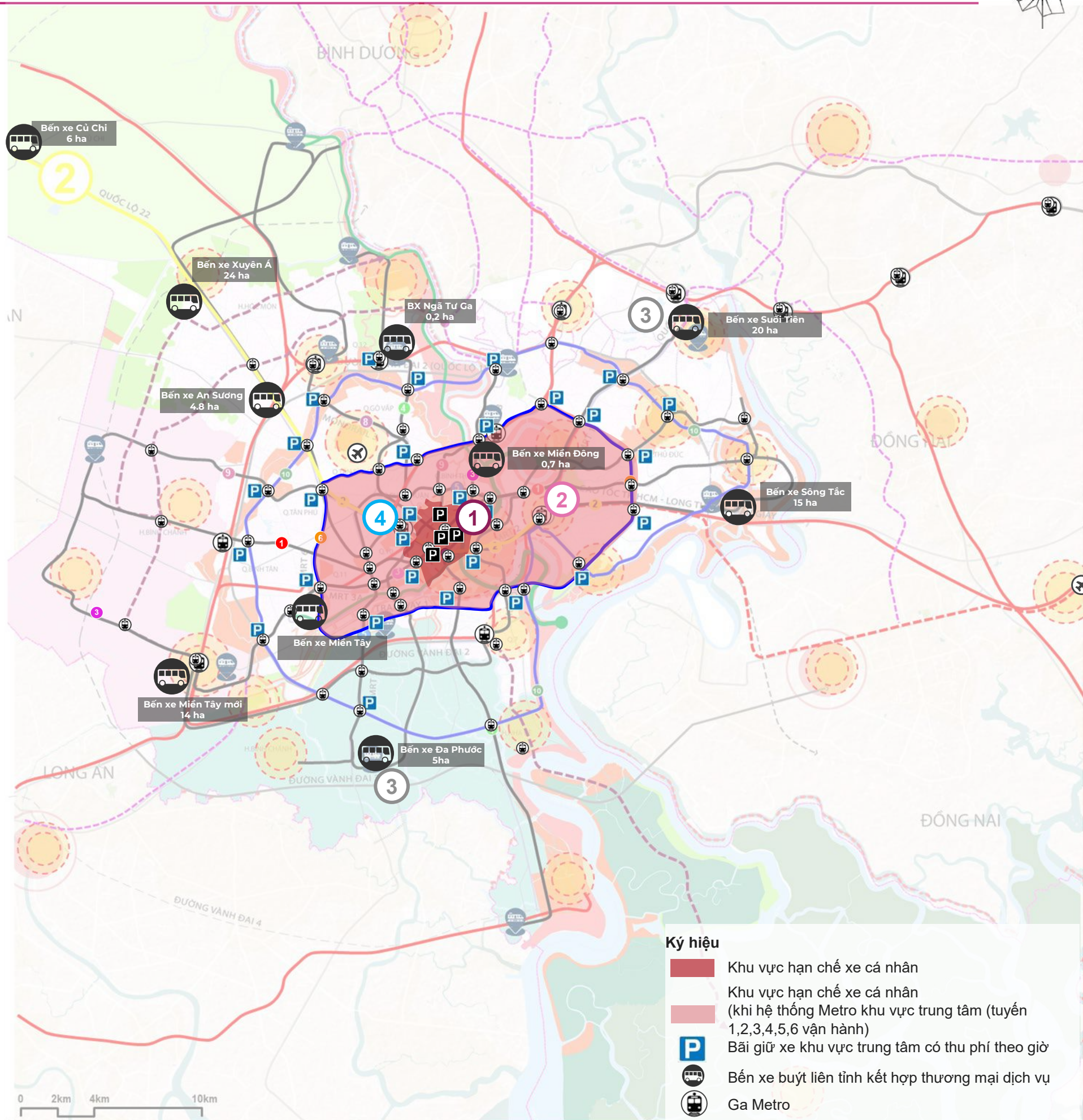
→ **Nên ưu tiên tối đa nguồn lực cho GTCC - trước mắt, chỉ đầu tư một số tuyến đường bộ huyết mạch.**

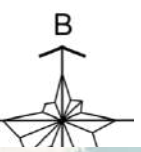


-  ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
-  ĐƯỜNG HIỆN CÓ MỞ RỘNG THEO QH ĐÃ CÓ HOẶC ĐỒ ÁN ĐỀ XUẤT
-  ĐƯỜNG MỞ MỚI THEO QHC HOẶC QHPK ĐÃ CÓ
-  ĐƯỜNG MỞ MỚI ĐỀ XUẤT
-  ĐƯỜNG GIAO THÔNG CÔNG CỘNG



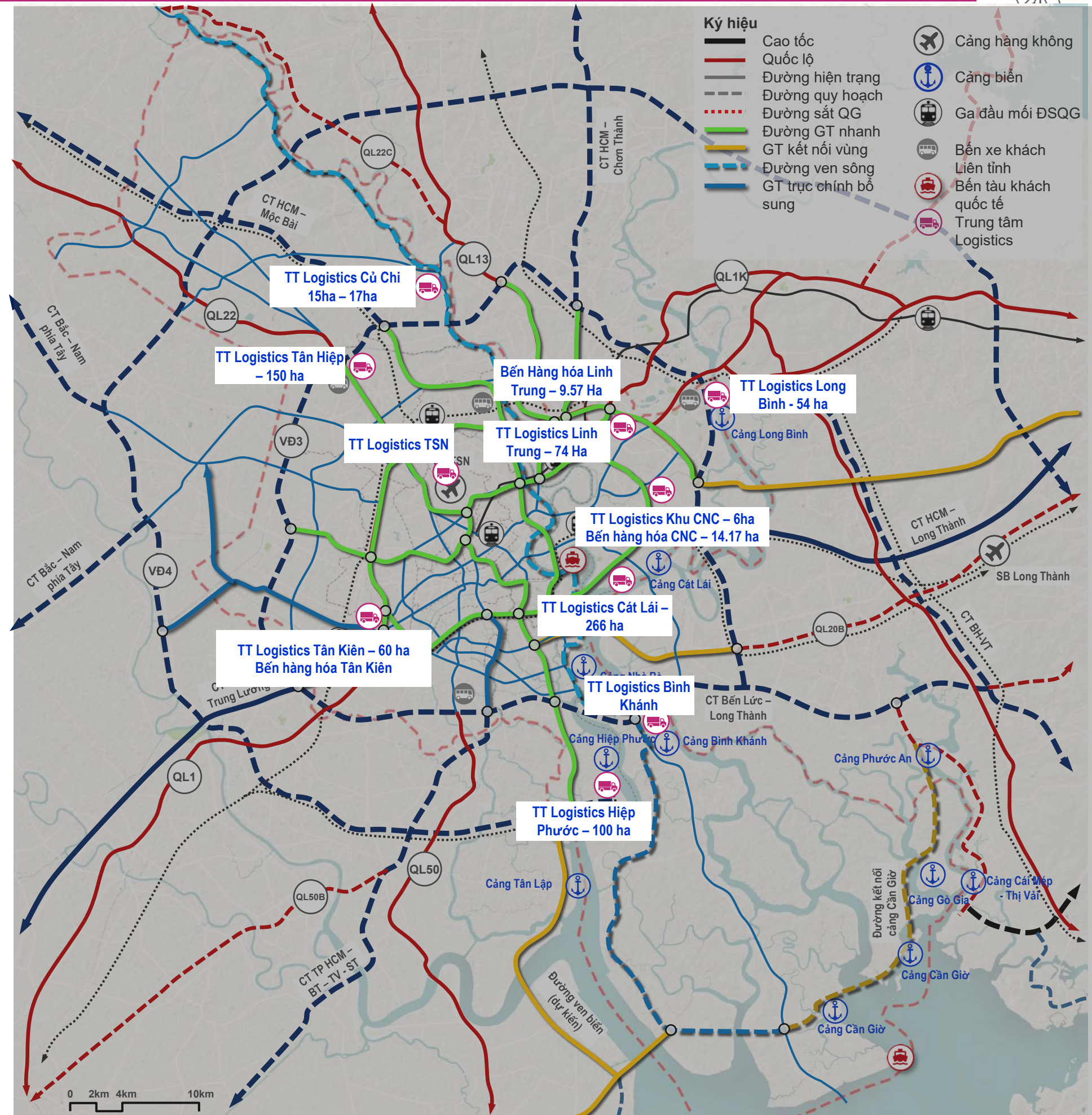
- 1. Hạn chế xe cá nhân** khu vực trung tâm thành phố:
Tiến hành **thu phí kẹt xe** sử dụng công nghệ tiên tiến (sử dụng hệ thống thông tin địa lý)
- 2. Mở rộng khu vực thu phí kẹt xe** đến vành đai Metro trong khi hệ thống Metro khu vực trung tâm đưa vào sử dụng (Tuyến số 1, 2, 3, 4, 5, 6)
- 3. Phát triển các bến xe liên tỉnh kết hợp thương mại dịch vụ**
- 4. Cung cấp bãi đỗ xe** tại các điểm cửa ngõ vào trung tâm thành phố theo mô hình Park&Ride. Số lượng chỗ đỗ xe được quản lý và quy định nghiêm ngặt, **hạn chế ở mức 50% - 70% theo quy định của quy chuẩn.**
- 5. Phát triển các nhà ga Metro chính thành các trung tâm giao thông xanh:** bố trí tiện ích các bãi đỗ xe và điểm sạc cho phương tiện thân thiện môi trường phục vụ cho các hành trình đầu/cuối, bố trí điểm đỗ xe cho các phương tiện chia sẻ

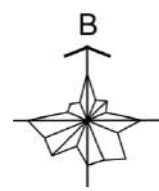




Định hướng quy hoạch:

- Bố trí 10 trung tâm Logistics trong đó có 8 trung tâm bố trí tuân thủ theo quyết định 4432/QĐ-UBND, ngày 2/12/2020 về phê duyệt Đề án Phát triển ngành logistics trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, bổ sung 2 trung tâm Logistics Gò Gia và Trung tâm Logistics Bình Khánh
- Bến hàng hóa được quy hoạch như là các trung tâm kho vận có quy mô rút gọn gồm các: bến ở khu công nghệ cao (Thủ Đức) quy mô 50 ha, bến Linh Xuân (9.57ha), và bến Tân Kiên (60 ha, bố trí chung với trung tâm Logistics Tân Kiên). Kiến nghị loại hình sử dụng đất của các bến này là loại đa chức năng

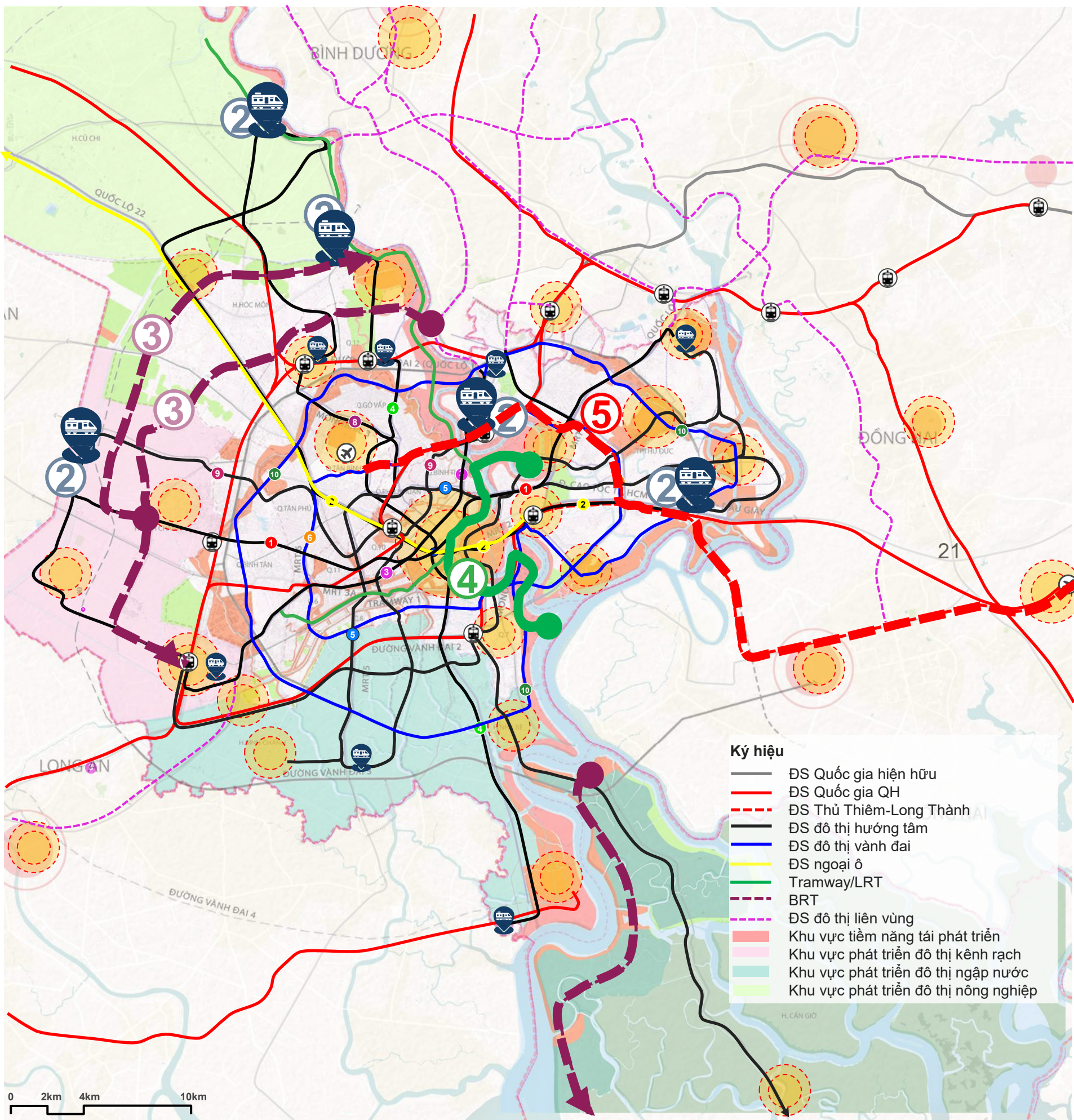




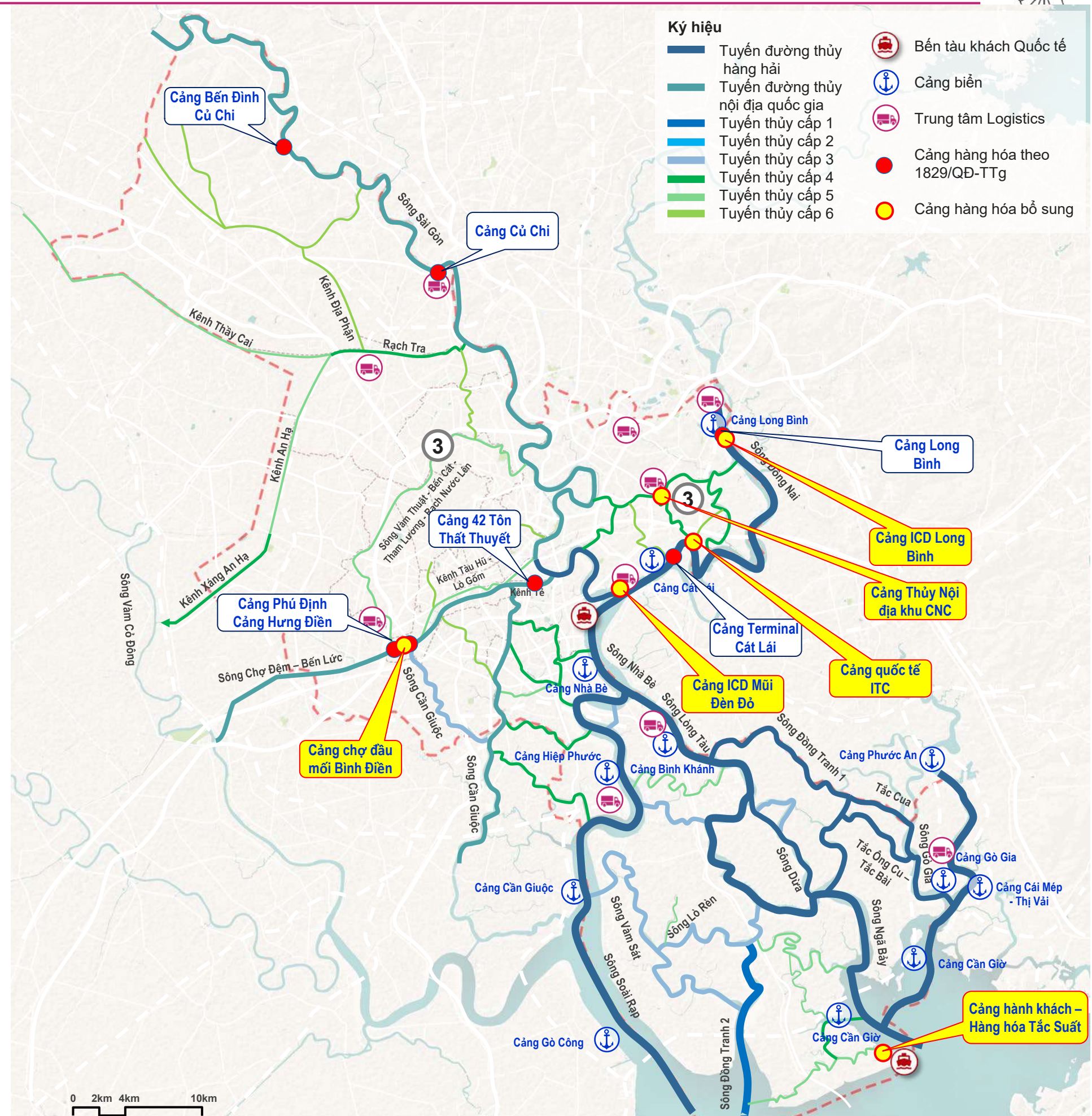
Với mục tiêu xây dựng TP Hồ Chí Minh trở thành một trong các đô thị hàng đầu của khu vực, hệ thống giao thông công cộng bao gồm:

Mạng lưới giao thông công cộng sức chở lớn:

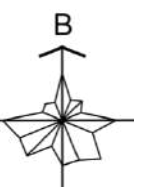
- 1. Kéo dài gấp đôi, điều chỉnh một số hướng tuyến đường sắt đô thị theo QĐ568, hình thành 12 tuyến ĐSDT với tổng chiều dài khoảng 582 km (40 km/triệu dân) nhằm đạt mục tiêu 50-60% GTCC, bao gồm 08 tuyến Metro xuyên tâm và tuyến TP HCM-Cần Giờ, 02 tuyến Metro vành đai, 01 nhánh tàu ngoại ô và 1 tuyến LRT
- 2. Bổ sung 06 depot Metro (>120 ha) gồm Bình Triệu, Long Trường, An Hạ, Phước Hiệp, Bình Mỹ, Nhị Bình bên cạnh 07 depot đã được quy hoạch theo 568/QĐ-TTg (158.23 ha)
- 3. Bổ sung 03 tuyến BRT: tuyến nối Cần Giờ, 2 tuyến dọc theo vòng cung Tây Bắc
- 4. Bổ sung 01 tuyến Tram (bánh lốp): Thanh Đa – Mũi Đèn Đỏ
- 5. Nối ray Metro số 6 và đường sắt Thủ Thiêm – Long Thành để kết nối trực tiếp 2 sân bay
- 6. Mạng lưới Metro giai đoạn đến 2035 là khoảng 355 km theo định hướng của KL 49/KL-TW về đầu tư đường sắt đô thị TP HCM đến 2035.



(6) Cảng hành khách - hàng hóa Tắc Suất, trên sông Dinh Bà 2.

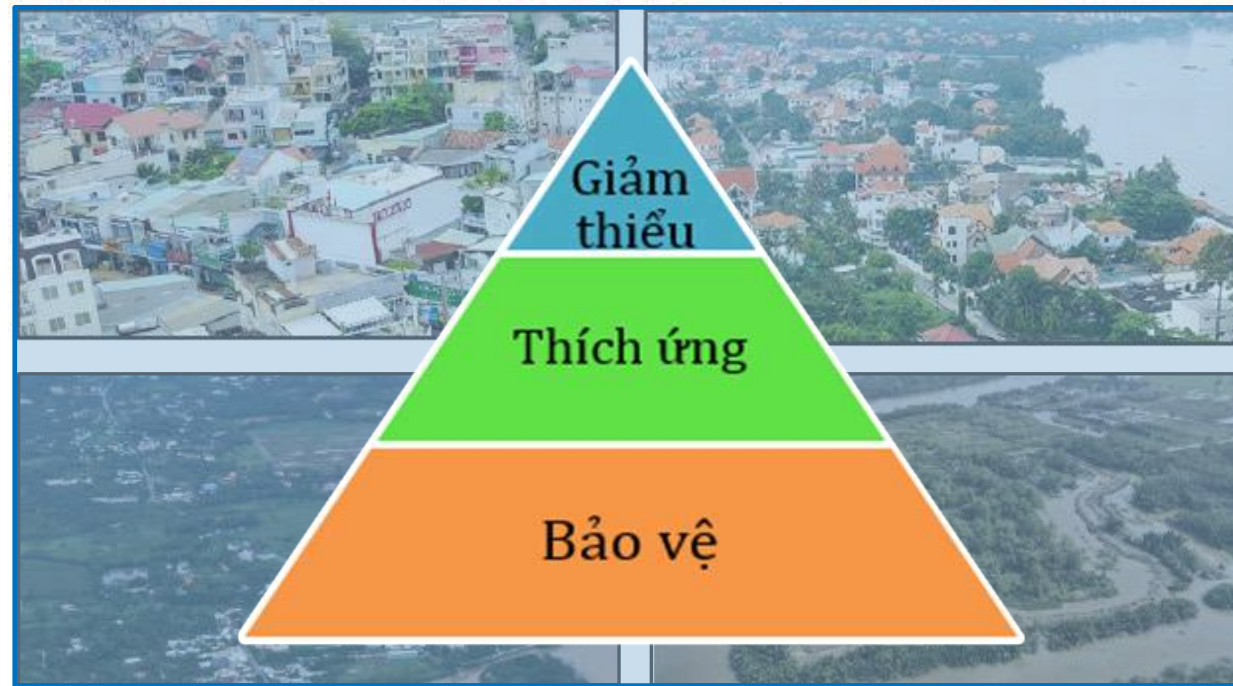


Chiến lược chống ngập toàn diện 4 vùng 3 lớp

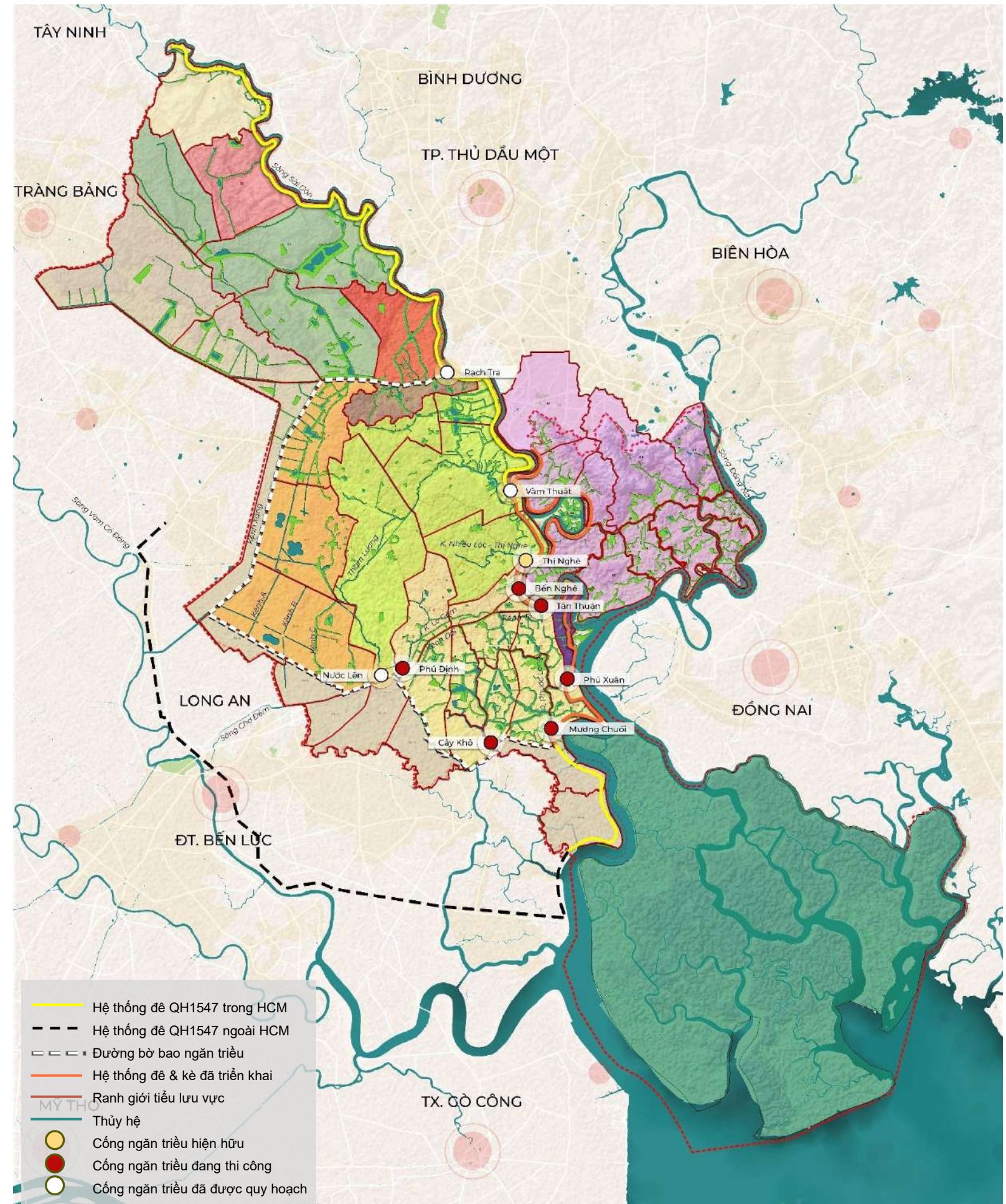


3 lớp kiểm soát ngập

Dựa trên đặc điểm hạ tầng hiện trạng, phân vùng nguy cơ ngập và phân vùng ưu tiên đầu tư, chiến lược chống ngập 4 vùng 3 lớp được xây dựng bao gồm lớp bảo vệ, thích ứng và giảm thiểu thiệt hại.



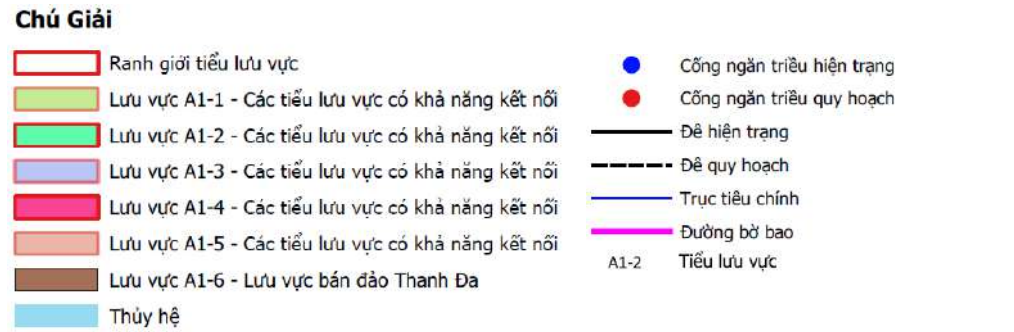
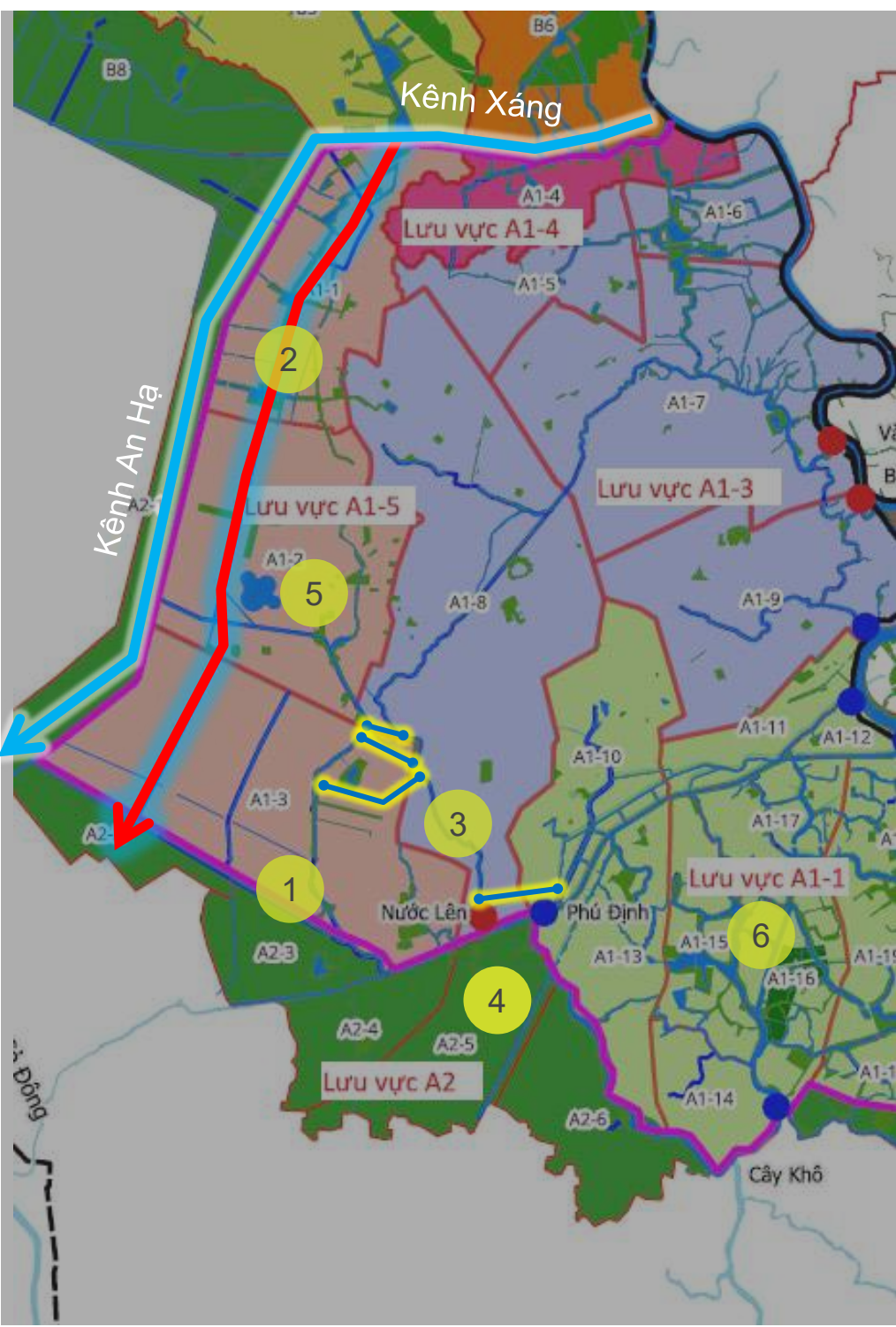
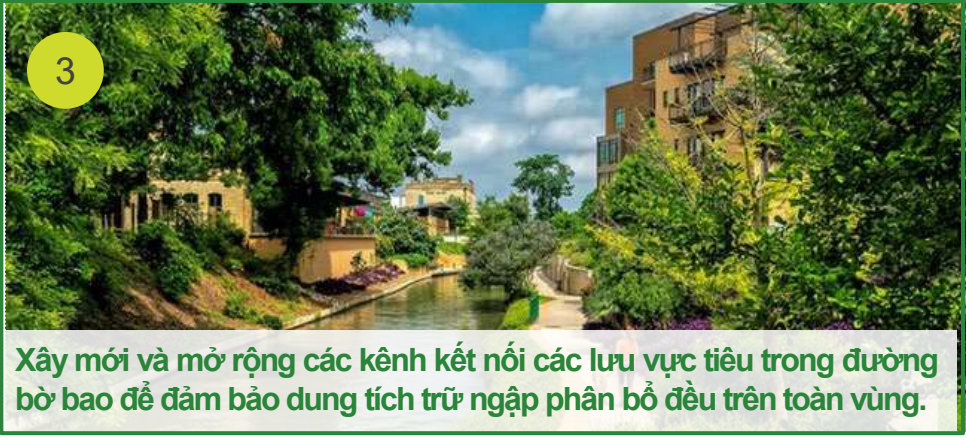
- **Lớp bảo vệ:** bao gồm xây dựng hệ thống đê, kè, đường bờ bao ngăn triều, hành lang chống ngập và hệ thống cống ngăn triều để bảo vệ các khu vực đô thị hiện hữu có cao độ nền thấp hơn so với mực nước ngập trên sông.
- **Lớp thích ứng:** bao gồm các giải pháp hồ điều tiết tập trung và phân tán, các giải pháp dựa vào thiên nhiên và hạ tầng xanh như các công viên ven sông có khả năng kết hợp trữ ngập. Ngoài ra các trạm bơm cũng được bổ sung để giúp tăng không gian trữ nước. Tổ hợp các giải pháp trên giúp hệ thống thích ứng tốt hơn với các tác động của BĐKH.
- **Lớp giảm thiểu thiệt hại:** bao gồm các giải pháp hướng đến giảm thiểu các thiệt hại gây ra bởi các sự kiện gây ngập cực đoan vượt qua các tiêu chuẩn thiết kế như hệ thống dự báo và cảnh báo nguy cơ ngập.



Bản đồ quy hoạch hạ tầng chống ngập cho T.p Hồ Chí Minh

Chiến lược chống ngập toàn diện 4 vùng 3 lớp

Minh họa các giải pháp chống ngập Vùng 1- A1 và 1-A2



HỆ THỐNG TRỮ NGẬP TRONG VÙNG 1 – A1

CẤP ĐỘ THÀNH PHỐ

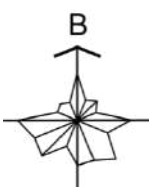


CẤP ĐỘ ĐƠN VỊ Ở

Trữ ngập tập trung (Zero Runoff)

Trữ ngập tại nguồn (Zero Delta Q)

Chiến lược chống ngập toàn diện 4 vùng 3 lớp



Minh họa các giải pháp chống ngập Vùng 1- B và Vùng 3

VÙNG 1-B - CỬ CHI

ƯU TIÊN GIỮ VÀ MỞ RỘNG CÁC TUYẾN KÊNH RẠCH BẮC-NAM

Các tuyến kênh Bắc-Nam cần tận dụng làm các trục tiêu thoát nước chính lưu vực. Ngoài ra, kết hợp xây dựng với các công viên tuyến tính dọc theo trục tiêu để tăng khả năng thích ứng với BĐKH



KÊNH RẠCH ĐÔNG-TÂY TẬN DỤNG LÀM TRỤC TIÊU CẤP ĐÔ THỊ

Tương tự, các trục tiêu này cũng cần giữ lại và kết hợp với các hành lang xanh cho phép ngập để tăng khả năng thích ứng BĐKH.

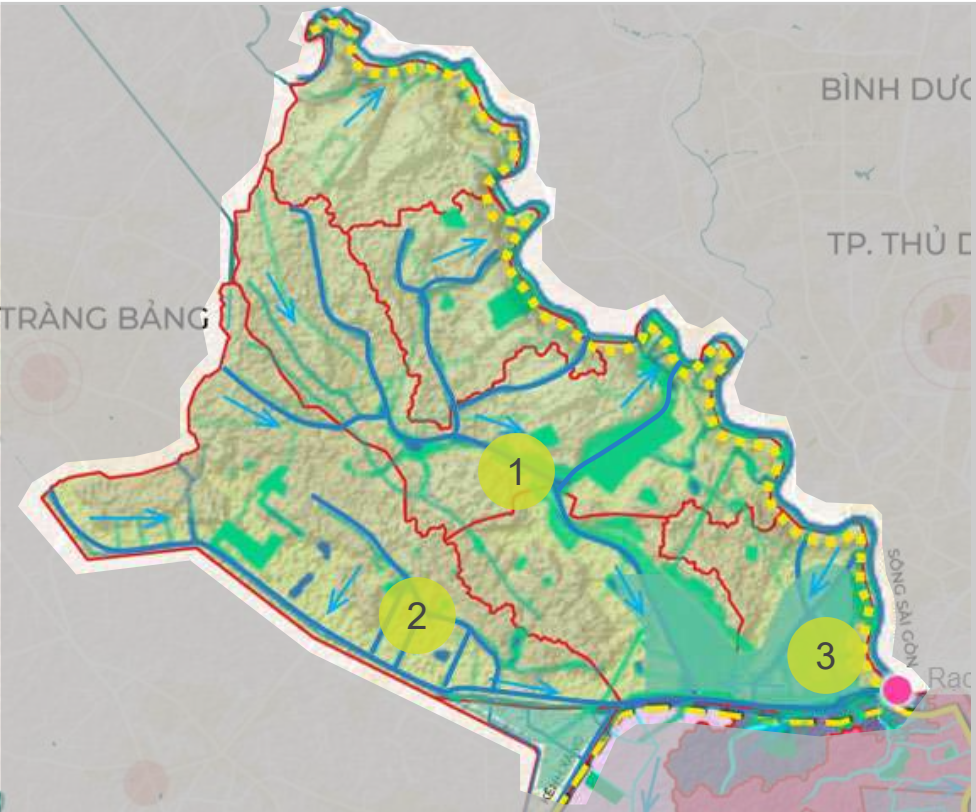


GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG CHO KHU VỰC CÓ NGUY CƠ NGẬP CAO

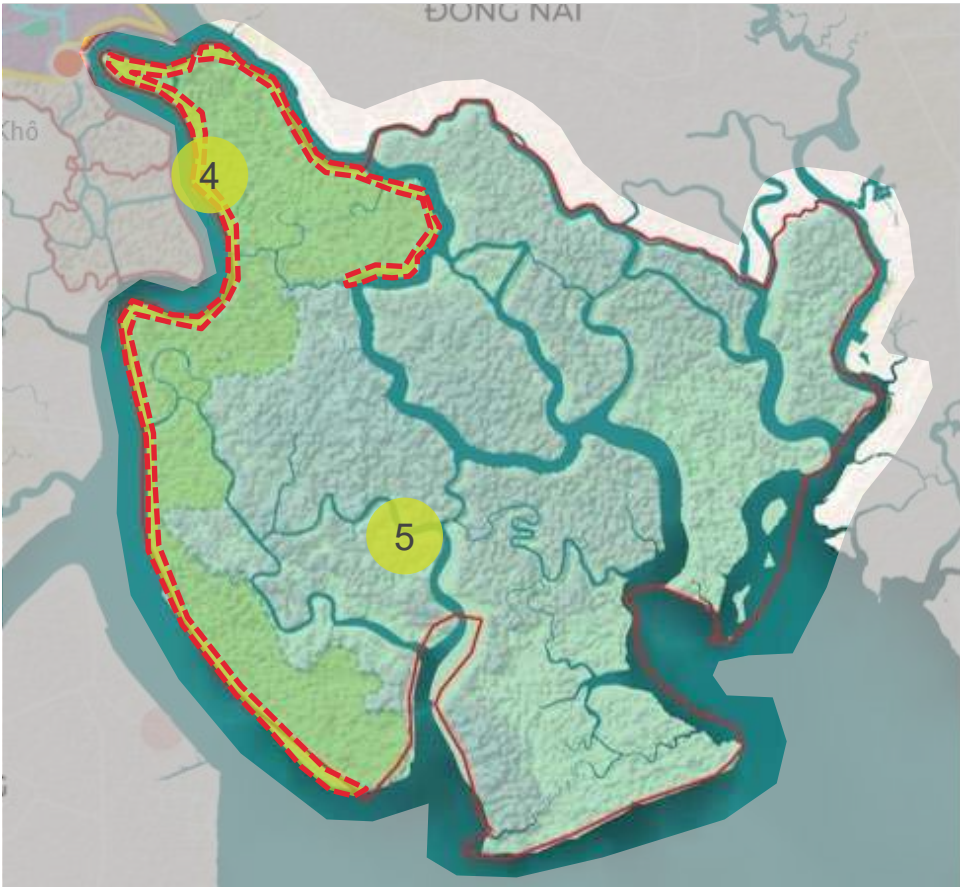
Các khu vực nằm trên hướng thoát lũ sông Sài Gòn dọc kênh Xáng ở phía bắc khi phát triển cần phải đảm bảo khả năng Thoát và trữ lũ bằng cách tạo không gian cho nước.



ĐỊNH HƯỚNG THOÁT NƯỚC VÙNG 1-B



ĐỊNH HƯỚNG THOÁT NƯỚC VÙNG 3



VÙNG 3 - CẦN GIỜ

HẠN CHẾ PHÁT TRIỂN VEN SÔNG ĐỂ ĐẢM BẢO THOÁT LŨ

Bên cạnh rừng dự trữ sinh khuyến thì các khu vực ven sông Lòng Tàu và Soài Rạp cần hạn chế cải tạo cao độ nền phát triển đô thị để tạo không gian thoát lũ cho các trường hợp ngập lũ cực đoan.

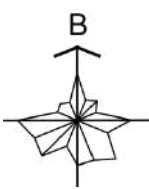


HẠN CHẾ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUI MÔ LỚN VÀ KHUYẾN KHÍCH LOẠI HÌNH ĐÔ THỊ SINH THÁI

Là lá phổi xanh cho toàn bộ vùng, khu vực rừng Cần Giờ cần được ưu tiên bảo tồn bằng cách khuyến khích phát triển loại hình đô thị sinh thái thân thiện với môi trường.



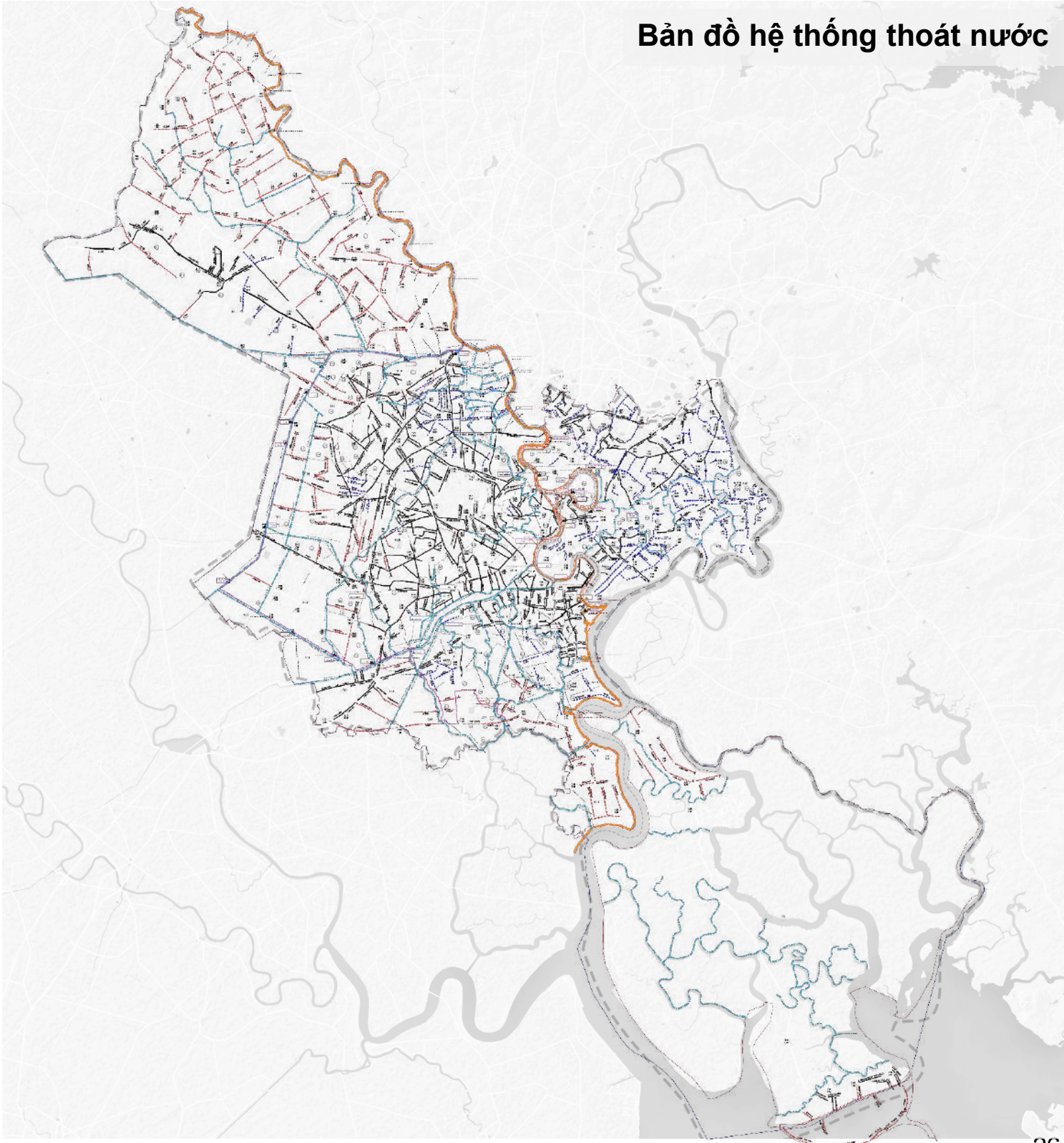
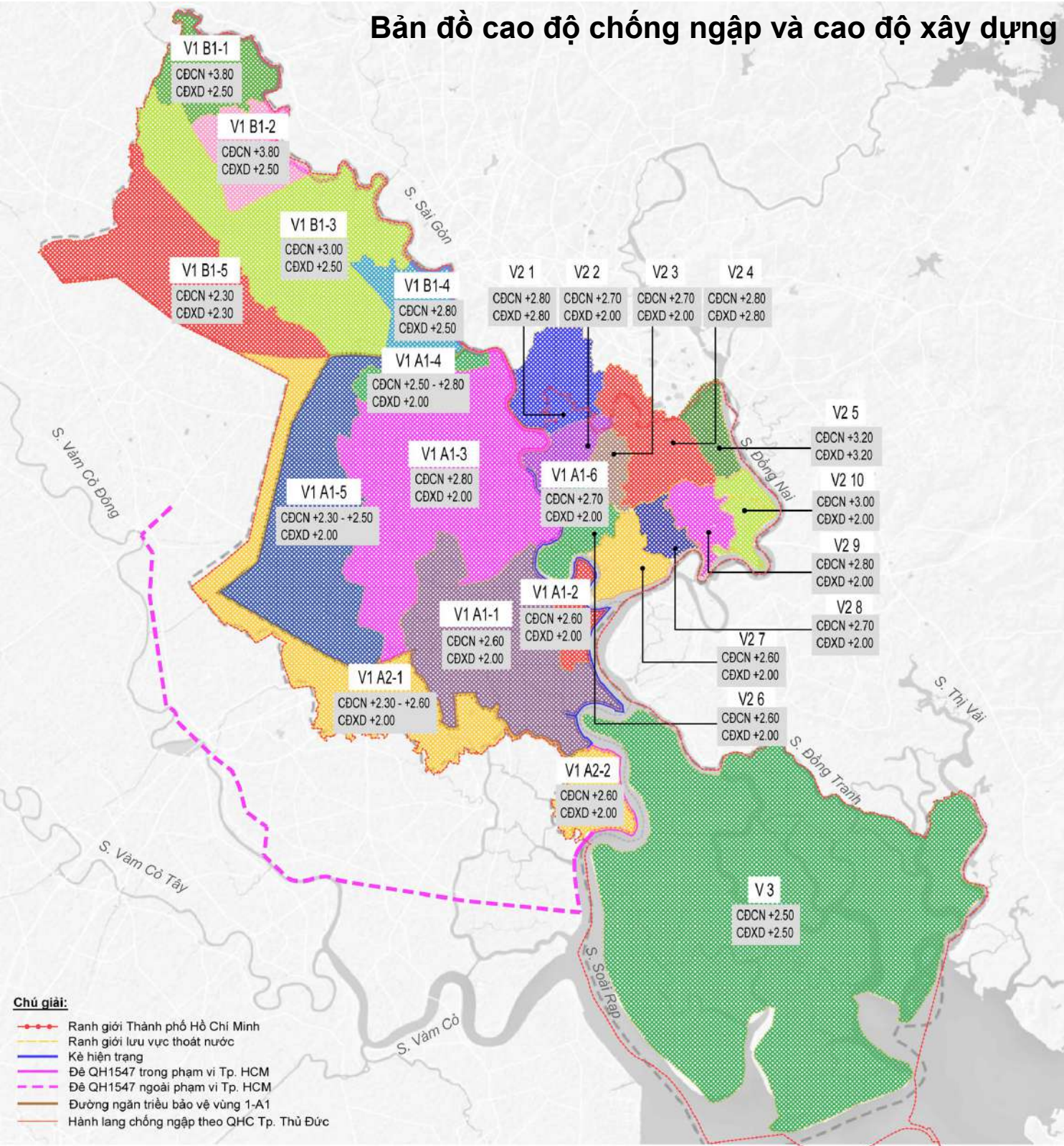
- Đê ngăn triều & lũ ưu tiên triển khai
- Trục tiêu thoát nước
- Trục tiêu thoát nước kết hợp trữ ngập
- Hướng thoát nước chính
- Cổng ngăn triều hiện hữu
- Cổng ngăn triều chưa vận hành
- Cổng ngăn triều chưa xây dựng
- Thủy hệ
- Vùng nuôi trồng thủy sản
- Vùng trữ ngập
- Vùng nguy ngập cao do nằm trên hướng hỗ trợ thoát lũ qua kênh Xáng

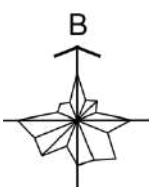


Kết quả tính toán cao độ nền và hệ thống thoát nước

Cao độ chống ngập +2.60 ÷ +3.80m được qui định cho hệ thống đê, kè, đường, và hành lang ngăn lũ và triều và cao độ các khu vực ngoài hành lang chống ngập. Cao độ chống ngập được xác định dựa trên việc phân tích nhiều kịch bản thiết kế trong đó xét đến tất cả các yếu tố gây ngập bao gồm mưa, triều, lũ, và tác động của BĐKH cho từng lưu vực

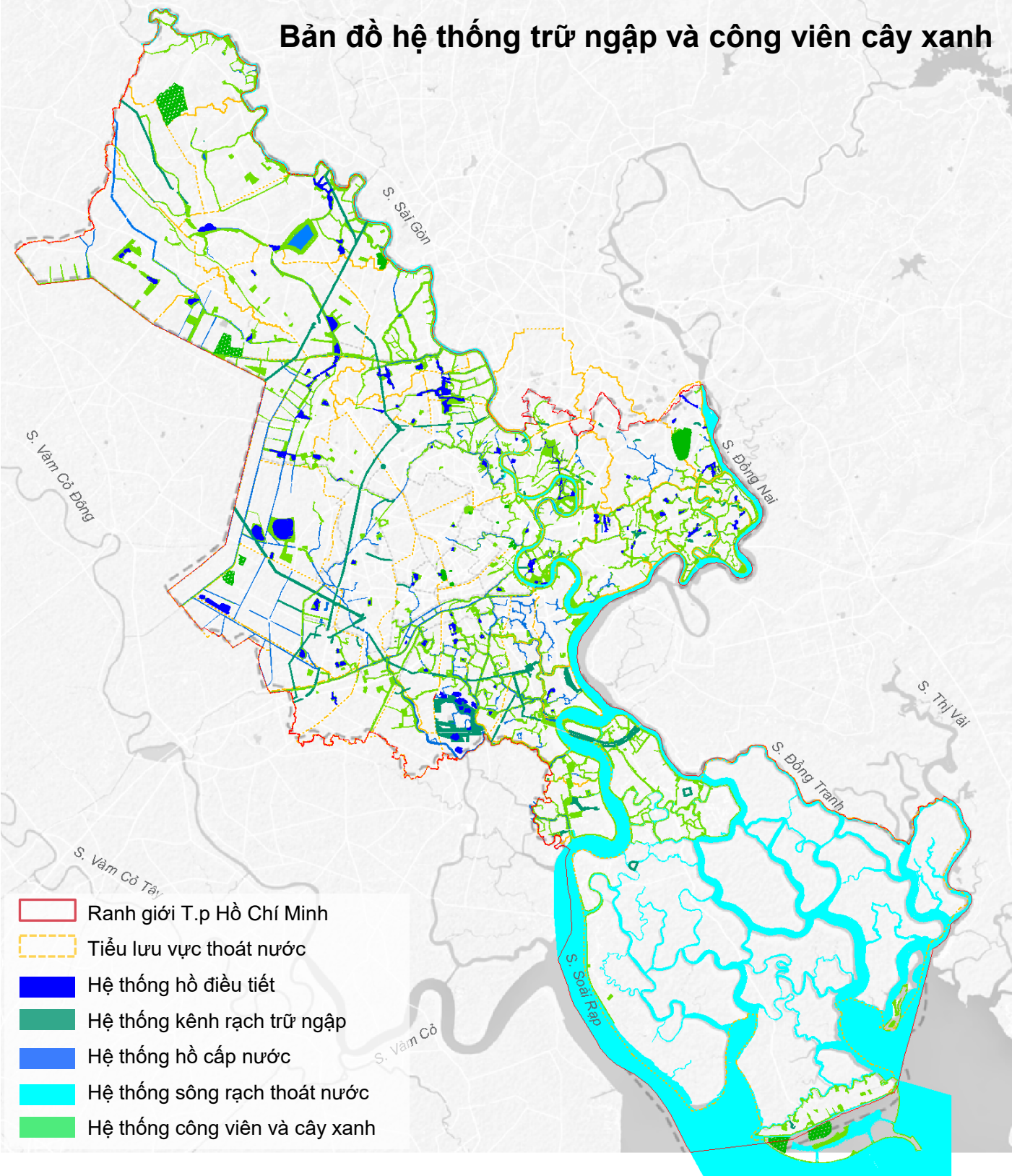
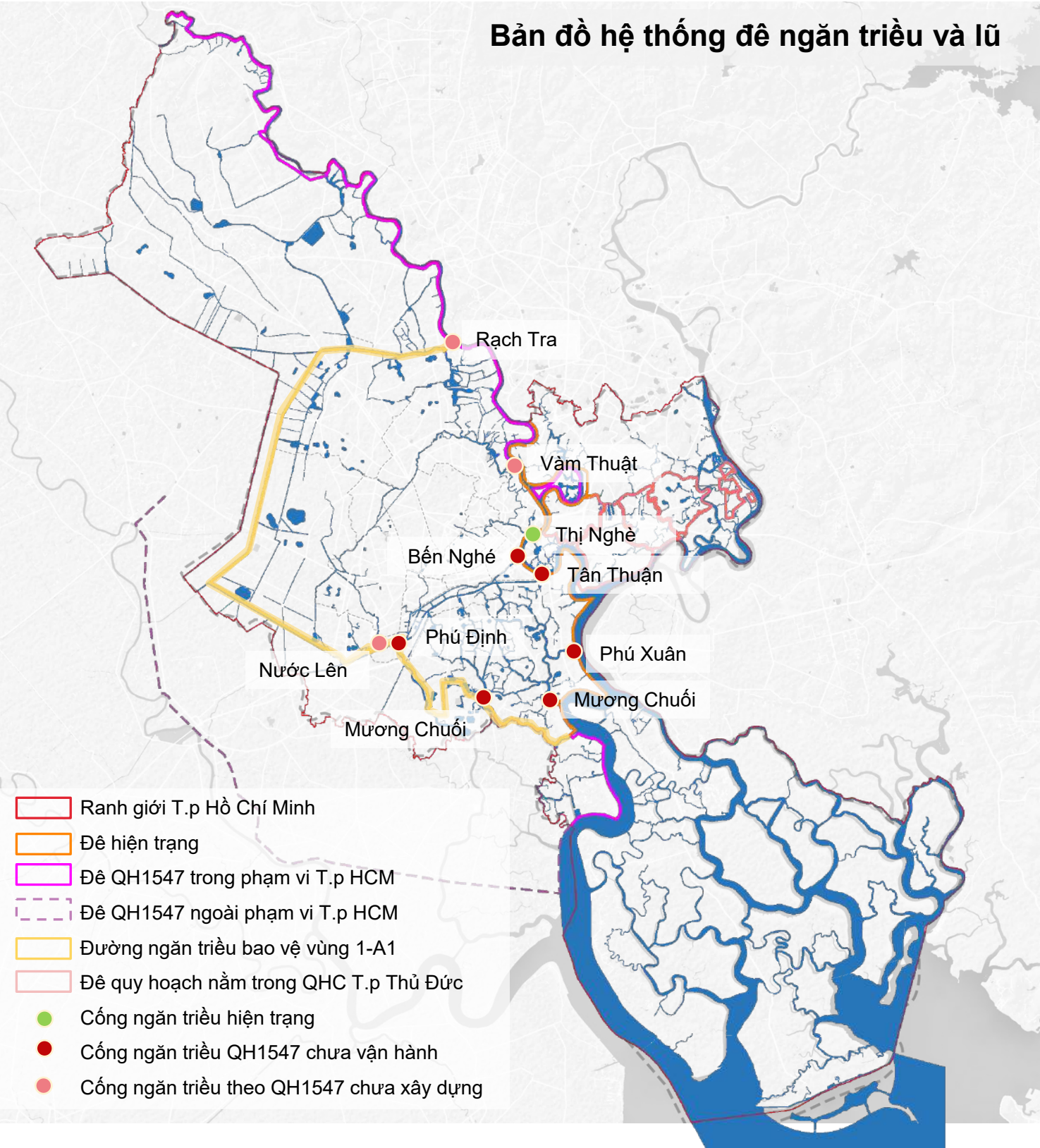
Cao độ xây dựng +2.00 ÷ +2.50m được qui định cho các khu vực bên trong hệ thống đê, kè, đường và hành lang ngăn lũ và triều. Cao độ xây dựng được xác định dựa trên việc phân tích cao độ nền hiện trạng, khối lượng đào đắp, và cao độ trữ ngập của hệ thống hồ điều tiết có xét đến kịch bản BĐKH.

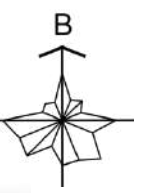




Hệ thống đê ngăn triều và lũ tiếp tục thực hiện theo QH1547 QH Thủy Lợi Chống Ngập Úng Khu Vực T.Phố HCM với cao độ chống ngập từ +2.60 ÷ +3.80m. Trong thời gian thực hiện quy hoạch cần ưu tiên nâng cao độ nền tuyến đường bao quanh khu vực trung tâm – Vùng 1 A1 để ngăn ngập do triều.

Hệ thống trữ ngập do mưa bao gồm các hồ điều hòa kết hợp với hệ thống kênh rạch tự nhiên trữ ngập. Riêng khu vực các quận trung tâm (Vùng 1 A1) bố trí tổng diện tích trữ ngập là 2.558ha tương đương chiếm 4,6% diện tích. Hệ thống trạm bơm qui hoạch bổ sung 150m³/s bên cạnh 194m³/s đã được xây dựng và qui hoạch để tăng cường khả năng thoát nước. Bên cạnh đó, qui hoạch hệ thống các công viên cây xanh tuyến tính có khả năng trữ ngập.





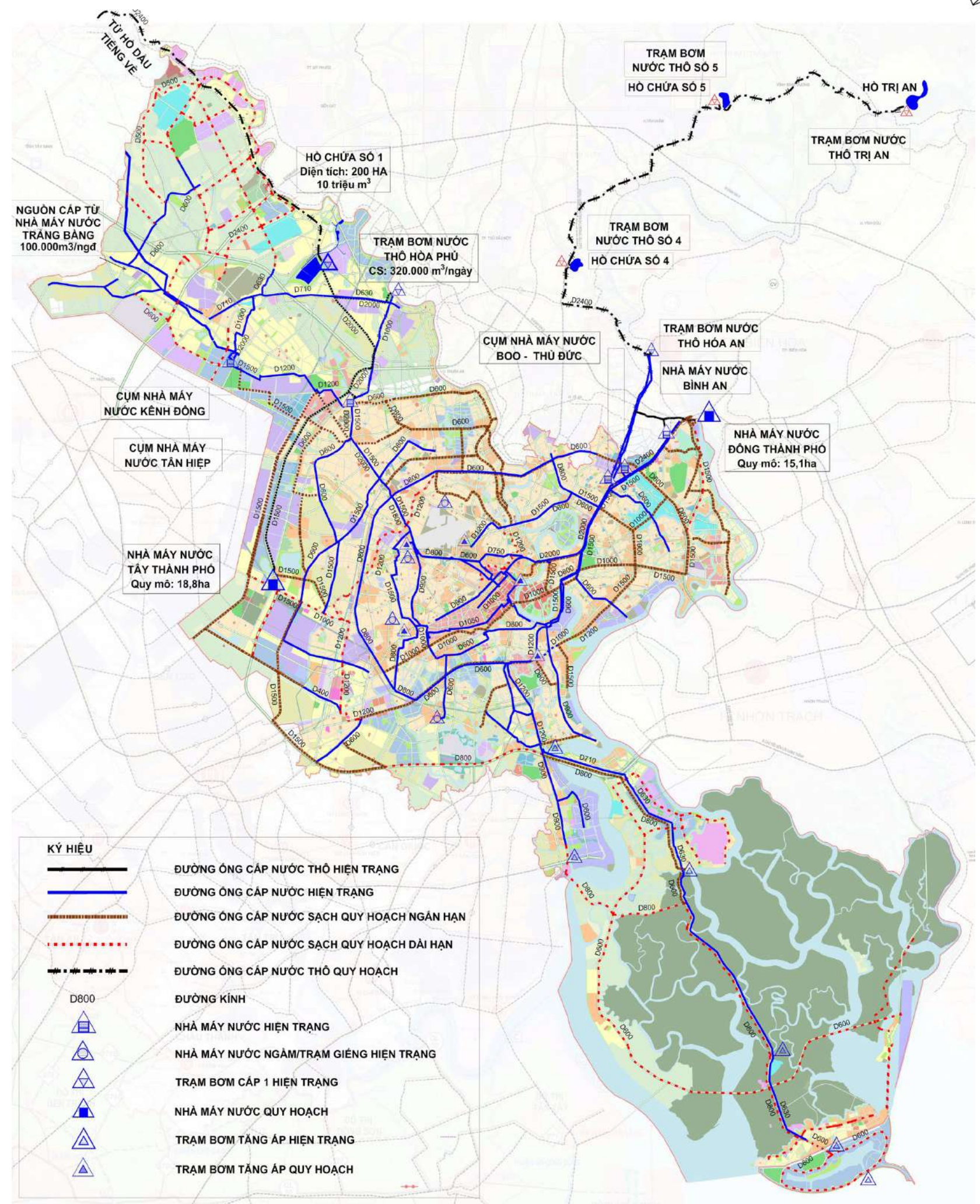
Nguồn nước: Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng nước mặt sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Giai đoạn sau xây dựng các cụm hồ chứa nước thô cùng các công trình thu và trạm bơm cấp 1 nhằm đưa nước thô trực tiếp từ hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An về cho hệ thống.

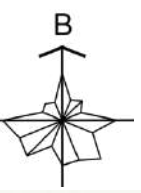
Công trình đầu mối:

- Mở rộng nâng công suất các nhà máy nước Tân Hiệp, Kênh Đông và Thủ Đức đến hết quỹ đất dự phòng, đưa công suất toàn hệ thống lên 3.350.000 m³/ngđ
- + Nhà máy nước Thủ Đức 4: 300.000m³/ngđ
- + Nhà máy nước Thủ Đức 5: 500.000m³/ngđ
- + Nhà máy nước Tân Hiệp 3: 300.000m³/ngđ
- + Nhà máy nước Kênh Đông 2: 250.000 m³/ngđ
- Xây dựng mới nhà máy nước phía Đông thành phố (Thủ Đức): 500.000 - 1.000.000 m³/ngđ
- Xây dựng mới nhà máy nước phía Tây thành phố (Bình Chánh): 500.000 - 1.000.000 m³/ngđ

Mạng lưới cấp nước:

- Xây dựng các trạm bơm tăng áp cùng các bể chứa lớn để cải tạo cấu trúc mạng lưới truyền tải và phân phối.
- Phân chia toàn thành phố thành các phân vùng cấp nước nhằm đảm bảo áp lực nước được tối ưu.





1. Nước thải sinh hoạt

- Tuân thủ định hướng của QH 24, điều chỉnh lưu vực, quy mô công suất trạm xử lý phù hợp với định hướng phát triển và dự báo dân số mới:

+ Gộp một số lưu vực theo thực tế dự án và chủ trương của thành phố với 13 lưu vực và 12 Nhà máy XLNT

+ Mở rộng mạng lưới và điều chỉnh công suất phù hợp với dự án đang triển khai, chủ trương và phù hợp với định hướng phát triển không gian theo từng giai đoạn đầu tư xây dựng.

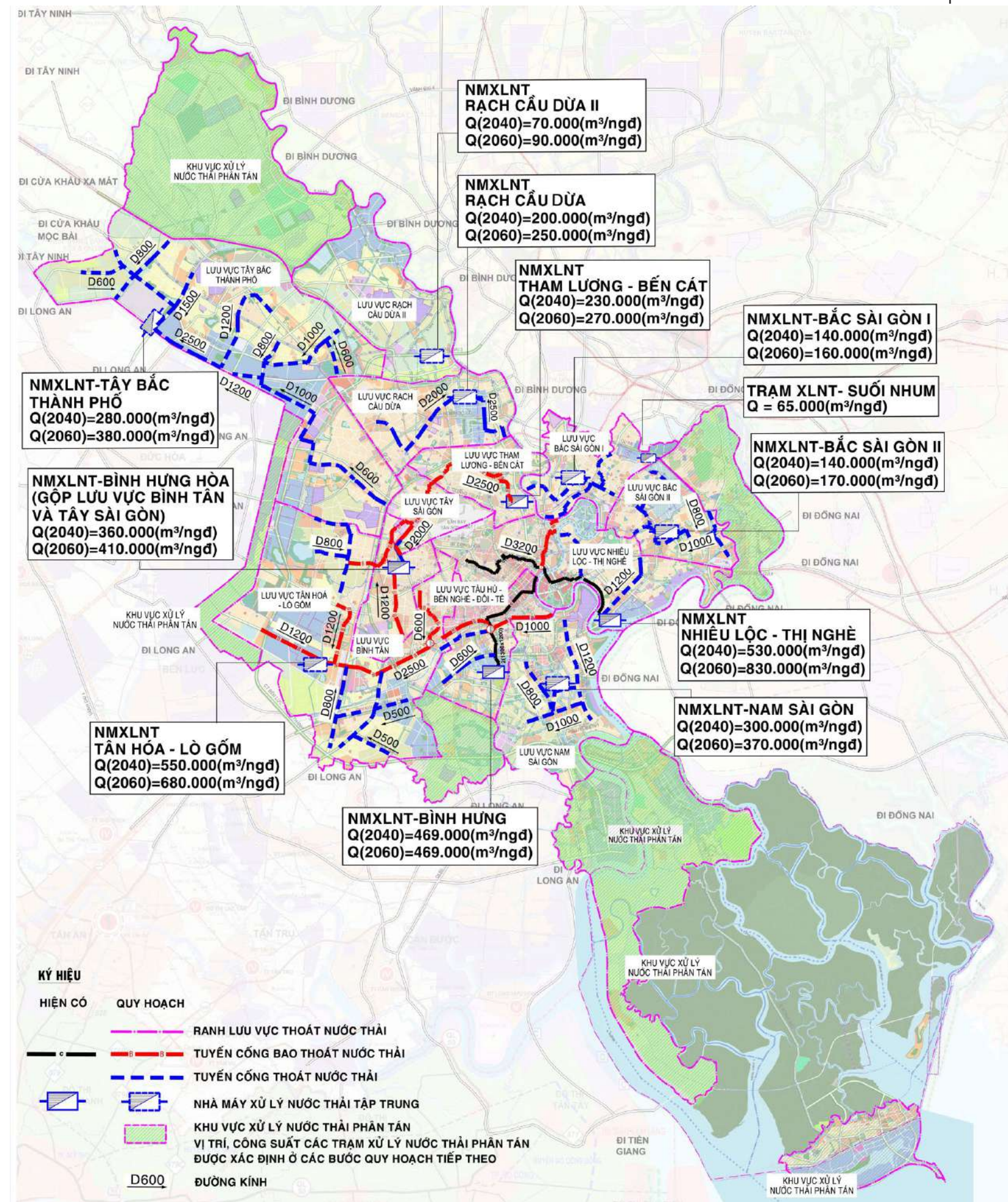
Dự báo lượng thải: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đến năm 2040 khoảng: 3.500.000 m³/ngđ; năm 2060 khoảng: 4.200.000 m³/ngđ

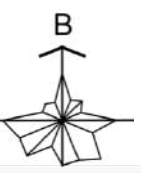
Hệ thống thu gom: Hệ thống thu gom hỗn hợp

+ Đối với các khu vực đô thị cũ, sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng (với hệ thống giếng tách nước thải, cống bao đưa về trạm xử lý).

+ Đối với khu vực mới, sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn đưa về các tuyến cống gom đưa về NMXL tập trung.

+ Các khu vực phát triển mới tại các lưu vực chưa có NMXL tập trung, xây dựng các trạm cục bộ theo quy mô, vị trí cần phù hợp thuận tiện cho việc đấu nối sau này.





Định hướng quản lý CTR giai đoạn đến 2040, tầm nhìn 2060:

1.Khu liên hợp xử lý CTR và nghĩa trang **Đa Phước**: 613,88 ha và Khu liên hợp xử lý CTR **Tây Bắc** 822ha.

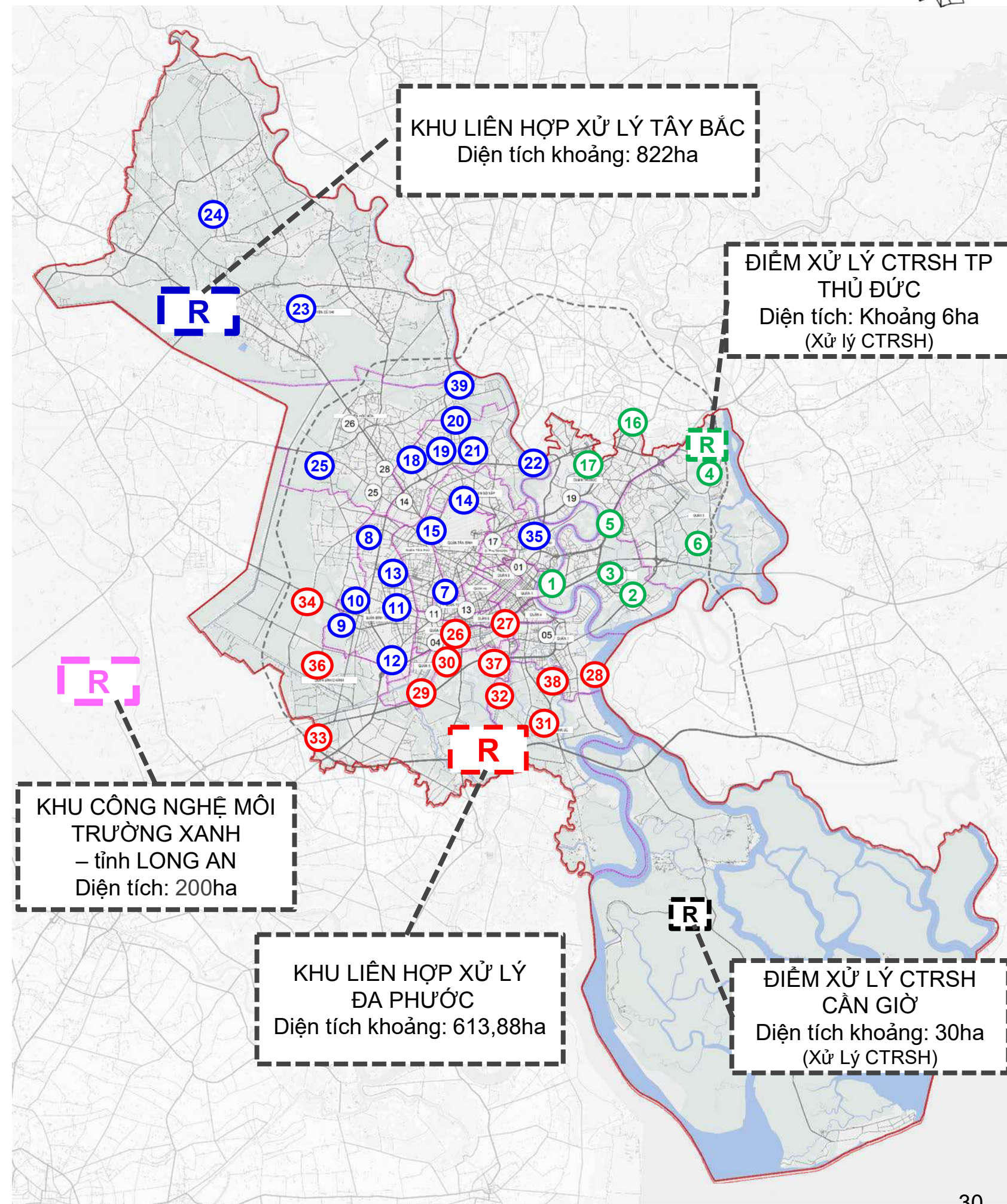
2.**Khu công nghệ môi trường xanh** tại huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An diện tích khoảng 200 ha tiếp nhận xử lý các loại CTR của TPHCM.

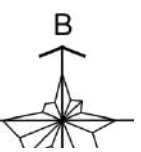
3.3 **khu trên** sẽ xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, bùn thải và các loại CTR khác với công nghệ tiên tiến tùy theo thành phần chất thải, như công nghệ tái chế, đốt thu hồi năng lượng, chế biến phân hữu cơ, chế biến compost, ủ kỵ khí sinh học và chôn lấp hợp vệ sinh hoặc chôn lấp an toàn...

4.Huyện Cần Giuộc bố trí 02 vị trí tại xã Thạnh An (công suất 10 tấn/ngày) và tại xã An Thới Đông (công suất 100 tấn/ngày) diện tích 30ha, để xử lý CTR sinh hoạt.

5.Tp. Thủ Đức: bố trí điểm xử lý CTRSH áp dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm quỹ đất, đảm bảo đáp ứng được khoảng cách an toàn môi trường phù hợp với công nghệ. Quy mô khoảng 6ha, công suất 1.000 tấn/ngày, vị trí dự kiến tại phường Long Bình. Trong điều kiện có công nghệ xử lý tiên tiến hiện đại đáp ứng được khoảng cách an toàn môi trường xác định thông qua công cụ đánh giá tác động môi trường sẽ bố trí thêm một vị trí xử lý dự kiến tại phường Linh Xuân.

6.Áp dụng phân loại CTR tại nguồn theo thành phần, kết hợp với các công nghệ phân loại, sàng lọc chất thải rắn tại nhà máy.





Kế thừa QH Nghĩa trang đã có và ưu tiên chuyển đổi hình thức mai táng.

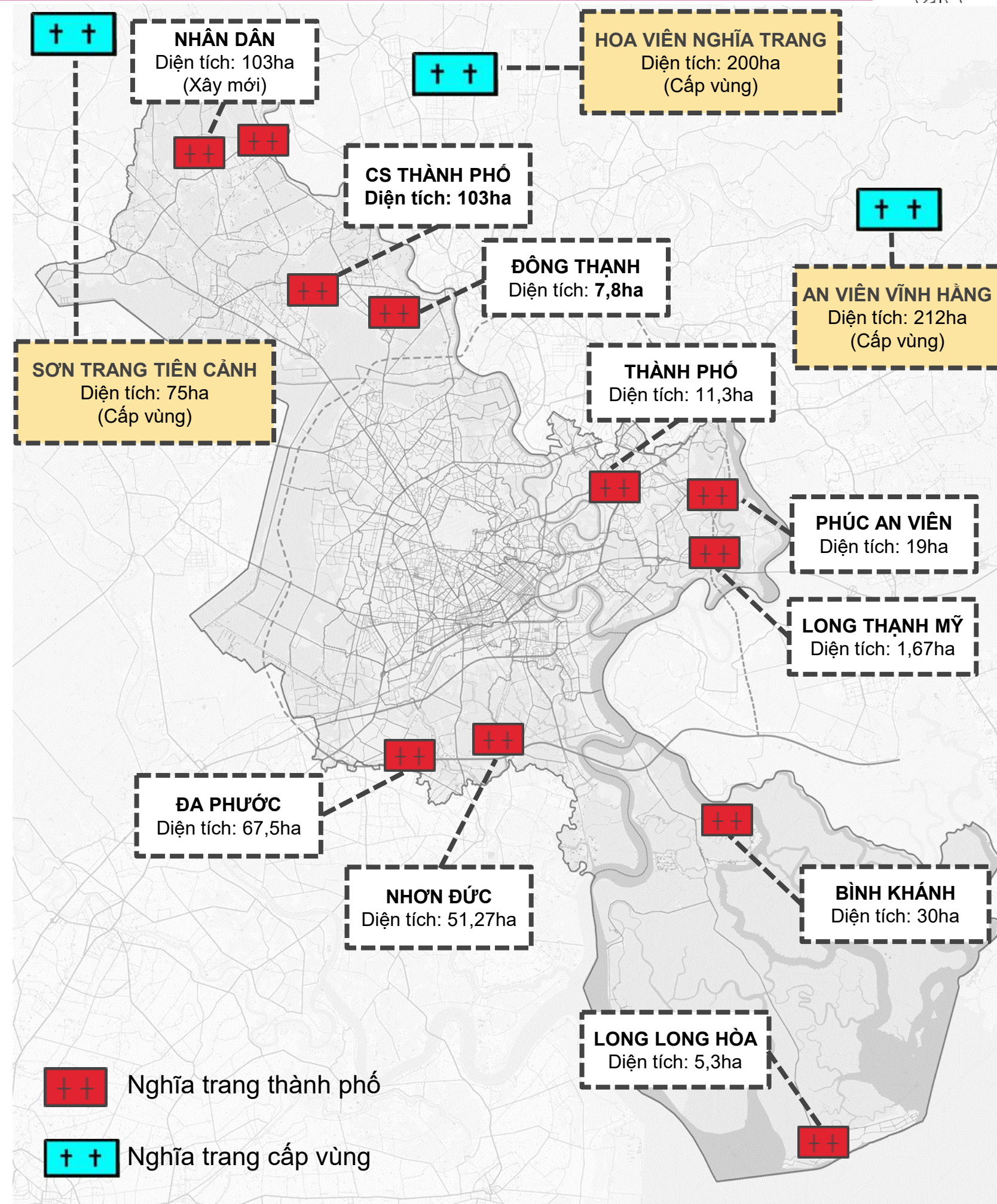
1. Sử dụng nghĩa trang cấp vùng phục vụ cho nhu cầu thành phố Hồ Chí Minh:

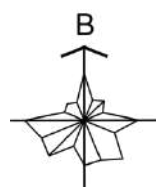
- **Đồng Nai:** An viên Vĩnh Hằng, quy mô 212 ha (Vĩnh Cửu)
- **Bình Dương:** Hoa viên nghĩa trang Bình Dương, quy mô 200 ha (Bến Cát).
- **Tây Ninh:** Sơn trang Tiên cảnh, quy mô 75 ha (Hòa Thành).

2. Xây dựng và nâng cấp các nghĩa trang trong thành phố kết hợp được 02 hình thức hỏa táng và địa táng:

- Diện tích đất nghĩa trang trong thành phố khoảng: **450 ha.**
- **Khu vực phía Bắc:** Nghĩa trang chính sách 103ha và đề xuất thêm nghĩa trang 103ha tại huyện Củ Chi.
- **Khu vực trung tâm:** sử dụng các nghĩa trang hiện trạng; di dời nghĩa trang Bình Hưng Hòa theo Quyết Định của UBND Thành phố, trong đó, di dời các lò hỏa táng về nghĩa trang Đa Phước.
- **Khu vực phía Nam:** Nghĩa trang Đa Phước quy mô 67,5ha và nghĩa trang Nhơn Đức (Nhà Bè) quy mô 51,27ha, nghĩa trang Bình Khánh (Cần Giờ) quy mô 30ha.

3. Ban hành các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng và áp dụng công nghệ tiên tiến để rút ngắn thời gian hỏa táng và hạn chế gây ảnh hưởng đến môi trường.





Nguồn điện:

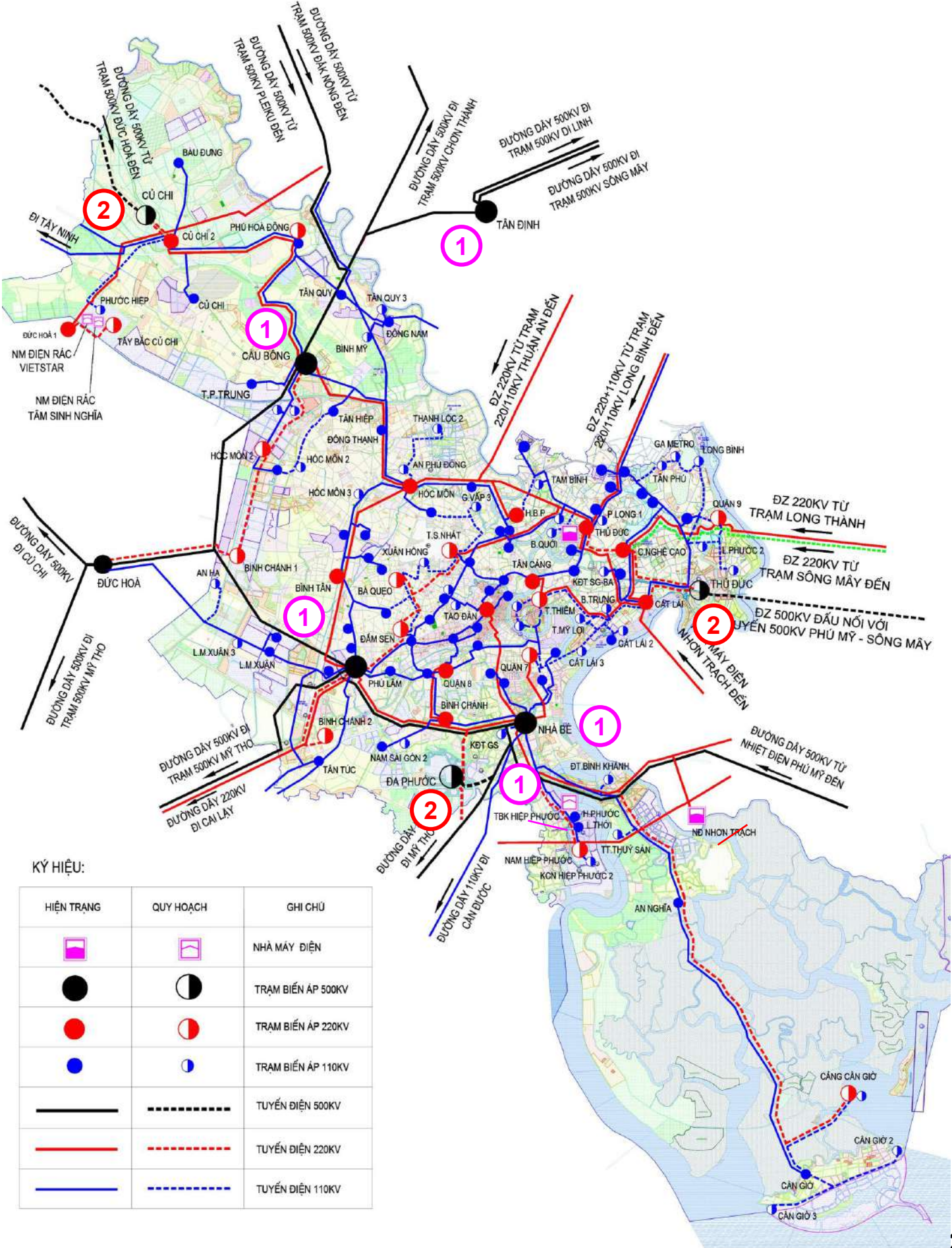
- 1. Từ các trạm 500kV hiện có: Phú Lâm, Nhà Bè, Cầu Bông, Tân Định
- 2. Xây dựng mới các trạm nguồn 500kV Củ Chi, Đa Phước và các trạm 220kV tuân thủ theo định hướng Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030.

Lưới điện:

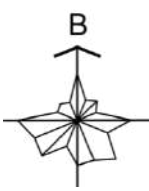
+ Các tuyến 220kV, 110kV xây dựng mới bố trí đi ngầm, khuyến khích hạ ngầm các tuyến 220kV, 110kV hiện có

Cấp năng lượng:

- + Năng lượng gió: Nghiên cứu đề xuất các dự án Nhà máy điện gió ngoài khơi khu vực biển Cần Giờ phục vụ cho mục đích phát điện lên lưới và sản xuất Hydro xanh.
- + Nguồn điện từ chất thải rắn: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được phê duyệt chủ trương...Khuyến khích tạo điều kiện cho các dự án Nhà máy khác đang chuẩn bị nghiên cứu đầu tư trên địa bàn.
- + Khai thác tiềm năng điện mặt trời mái nhà tại các trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ sở sản xuất kinh doanh, tiêu thụ tại chỗ, mái nhà của người dân, mái công trình xây dựng...



-
- CV PHẦN MỀM QUANG TRUNG**
- TT ĐIỀU HÀNH KV2-VNPT-NET**
- TT DỮ LIỆU FPT**
- TT GIAO THÔNG THÔNG MINH**



Định hướng quy hoạch không gian ngầm trên mặt bằng:

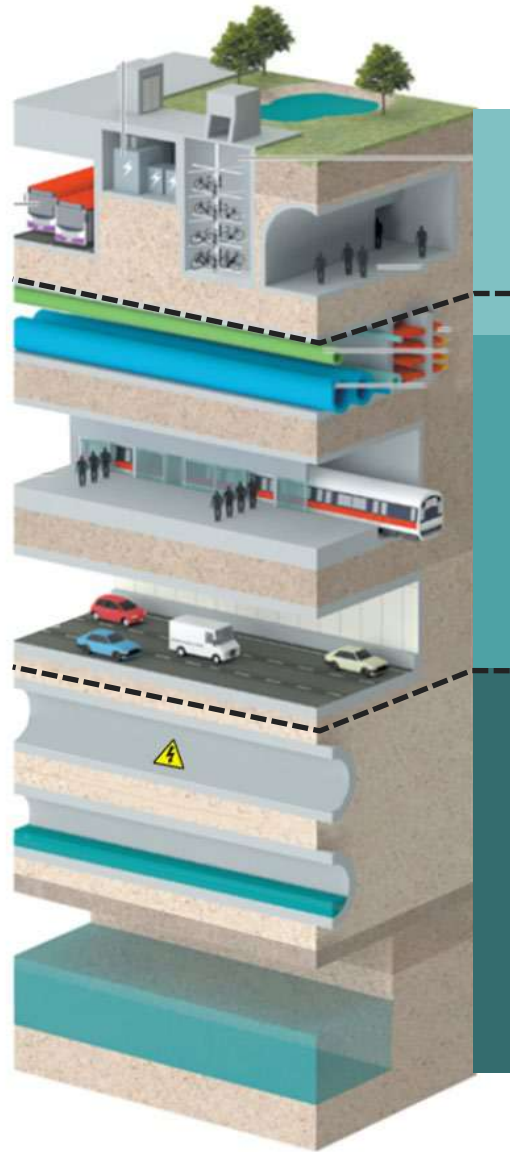
1. Khu vực khuyến khích xây dựng không gian ngầm
- Được xác định theo khu vực đô thị trung tâm (trong vành đai 2), các trung tâm thứ cấp của các vùng thành phố trực thuộc và trong bán kính 800m từ các ga đường sắt đô thị.
2. Các khu vực sinh thái
- Phát triển không gian ngầm tại các khu vực này cần phải đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, ảnh hưởng địa chất và kết cấu công trình đảm bảo giữ gìn và phát triển toàn vẹn các khu vực sinh thái và di tích văn hóa, lịch sử của thành phố.
3. Các khu vực công trình ngầm phục vụ an ninh - quốc phòng
- Cần được nghiên cứu xác định, chấp thuận bởi Bộ Quốc Phòng và Bộ Công An nhằm giám sát, kiểm tra đảm bảo các quy định riêng.

Định hướng quy hoạch không gian ngầm theo chiều sâu:

- Tầng nông
- Giao thông tĩnh & Đường đi bộ
 - Ga công cộng tích hợp kKhu thương mại
 - Nút giao khác mức
 - Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Tầng sâu
- Hệ thống tuynel hạ tầng kỹ thuật tập trung
 - Hệ thống giao thông công cộng ngầm
 - Hệ thống đường giao thông ngầm

- Tầng rất sâu
- Hệ thống kỹ thuật liên vùng như đường điện cao thế
 - Hệ thống thoát nước dưới sâu

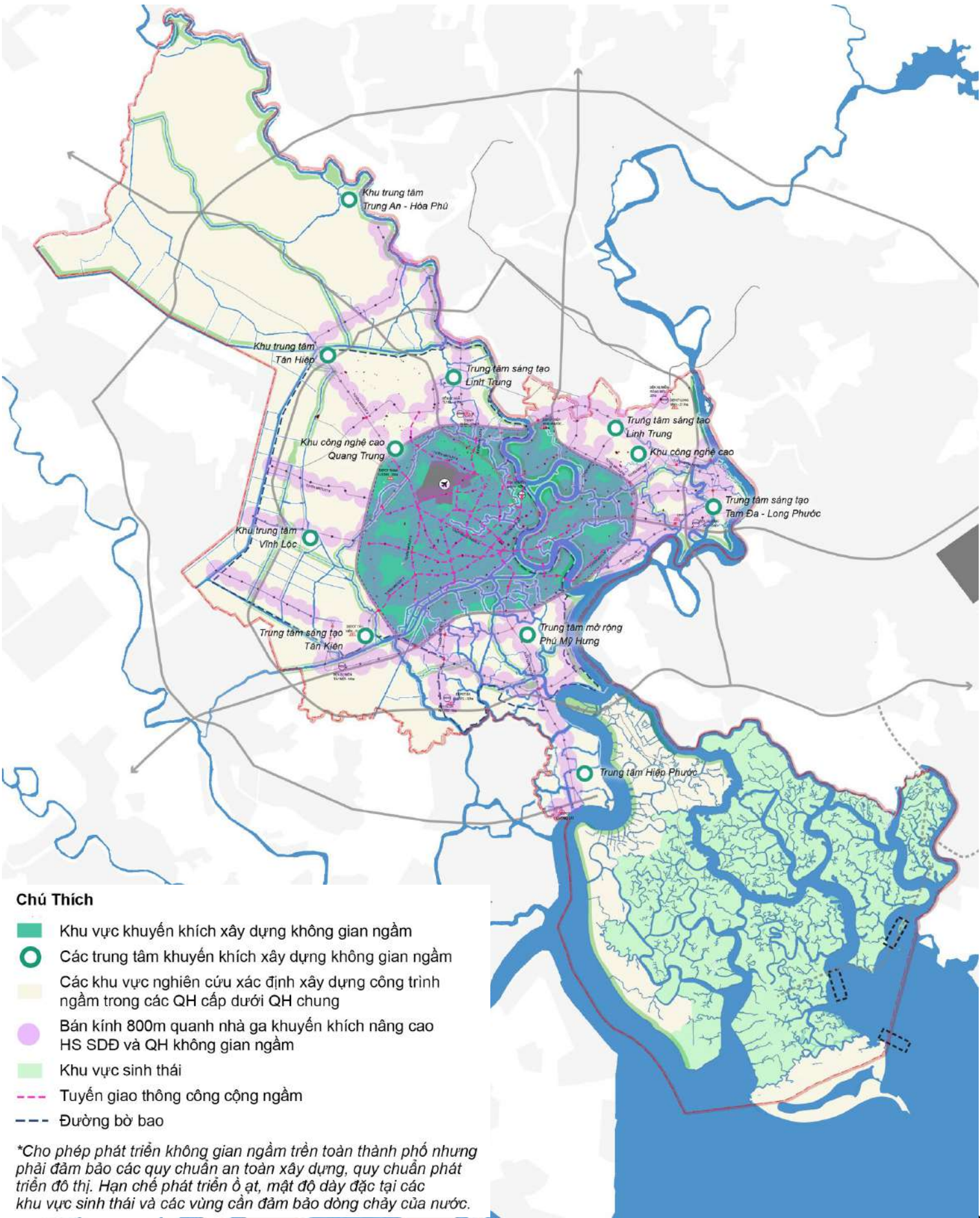


Tầng nông (0 - 30m)*
Phát triển các chức năng tiện ích gắn liền với phạm vi quy hoạch sử đất.

Tầng sâu (20 – 40m)*
Phát triển các chức năng như giao thông công cộng, đường cao tốc ngầm, hạ tầng kỹ thuật gắn liền với phạm vi đô thị

Tầng rất sâu (> 40m)*
Phát triển các chức năng hạ tầng kỹ thuật cấp đô thị và cấp vùng gắn liền với phạm vi đô thị

*Tầng sâu mang tính chất tham khảo cần có các nghiên cứu nhằm đảm bảo phù hợp với từng khu vực



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!